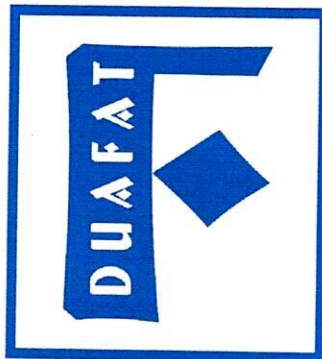


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/06/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 13/05/2020)

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội

Tel: 02435.642.741

Website: [duafat.com.vn](http://duafat.com.vn)

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2020: 400.000.000.000 đồng

Phụ trách Công bố thông tin

Ông: Lê Duy Hưng

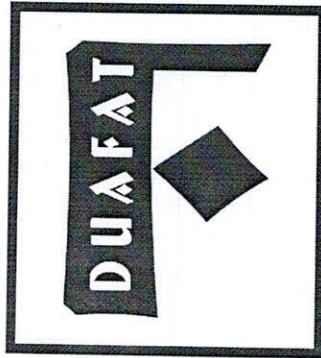
Chức Vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tel: 02435.642.741

Email: [company@duafat.com.vn](mailto:company@duafat.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**  
Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội

# **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/06/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 13/05/2020)

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội

Tel: 02435.642.741

Website: [duafat.com.vn](http://duafat.com.vn)

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2020: 400.000.000.000 đồng

Phụ trách Công bố thông tin  
Ông: Lê Duy Hưng  
Chức Vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Tel: 02435.642.741  
Email: [company@duafat.com.vn](mailto:company@duafat.com.vn)

## MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM .....	4
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG .....	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
2. Cơ cấu tổ chức, quản lý công ty .....	14
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	22
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng .....	24
5. Hoạt động kinh doanh .....	24
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất .....	27
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	29
8. Chính sách đối với người lao động.....	31
9. Chính sách cổ tức .....	32
10. Tình hình tài chính.....	32
11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	47
12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....	50
13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	50
14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	51
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	51
1. Hội đồng quản trị.....	51
2. Ban Kiểm soát.....	55
3. Ban Tổng Giám đốc .....	58
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty .....	64
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	64
6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định .....	80
IV. PHỤ LỤC .....	81
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;.....	81
2. Phụ lục II: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần; .....	81



3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 riêng và hợp nhất.....81

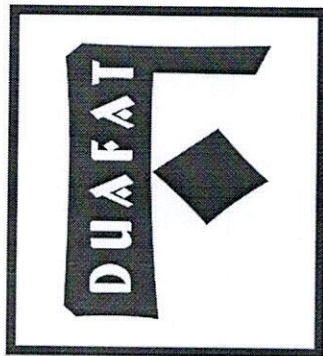
**I. CÁC KHÁI NIỆM**

<b>TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Công ty đại chúng, Đua Fat	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat
Tổ chức tư vấn, Ròng Việt, VDS, VDSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ròng Việt – Chi nhánh Hà Nội
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần
Giấy CN ĐKDN (ĐKKD)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh)
TP	Thành phố
VĐL	Vốn điều lệ
TMCP	Thương mại cổ phần

**II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về Công ty**

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**  
Tên tiếng Anh: **DUAFAT GROUP.,JSC**  
Tên viết tắt: **ĐUA FAT**  
Người đại diện pháp luật: **Ông Lê Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT Công ty**  
Trụ sở chính: **Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội**  
Số điện thoại: **02435.642.741**  
Website: **duafat.com.vn**  
Email: **company@duafat.com.vn**

Logo:



Vốn điều lệ đăng ký: **400.000.000.000 (Bốn trăm tỷ) đồng**  
Vốn thực góp: **400.000.000.000 (Bốn trăm tỷ) đồng**  
Giấy CN ĐKDN: **0104008162 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/06/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 13/05/2020**

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4221	Xây dựng công trình điện



Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4291	Xây dựng công trình thủy
4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4329	Hoàn thiện công trình xây dựng
4330	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

Và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104008162

## 1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat tiền thân là Công ty cổ phần Nền móng Đua Fat là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103038704 ngày 29/06/2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 02 ngày 12/08/2010, Công ty chuyển sang hoạt động theo mã số doanh nghiệp 0104008162.

Là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, chuyên về xử lý nền móng, đặc biệt là thi công khoan cọc nhồi, xử lý nền đất, tường vây,... Công ty đã tham gia thi công nhiều công trình lớn, công trình trọng điểm Quốc gia, những công trình có vốn đầu tư và chủ đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài với địa chất phức tạp, yêu cầu về chất lượng kỹ thuật rất cao, tiến độ gấp rút như dự án Nhà máy thép Hòa Phát tại Quảng Ngãi, Cảng Hòa Phát tại Quảng Ngãi, Đê chống ngập Sài Gòn, Nhà Máy xi măng Long Sơn tại Thanh Hóa... Với đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, đặc biệt đây chuyên máy móc thiết bị kỹ thuật thi công hàng đầu thế giới về khoan cọc nhồi trên đất liền và cả trên sông biển, Đua Fat tự tin mang lại nhiều giải pháp có giá trị lớn với phương châm: “Chất lượng tốt nhất - Tiến độ nhanh nhất - Giá cả hợp lý nhất”, luôn luôn là sự lựa chọn sáng suốt nhất cho các chủ đầu tư.

Mục tiêu của Đua Fat là trở thành nhà thầu xây dựng nền móng chuyên sâu về kỹ thuật và chất lượng nhất ở Việt Nam bằng cách tư vấn, cung cấp mọi giải pháp cho khách hàng, phù hợp với yêu cầu và lịch trình cụ thể của dự án. Lấy uy tín chất lượng làm thước đo giá trị thương hiệu, Đua Fat cam kết mang đến cho khách hàng sản phẩm là các công

trình đạt tiêu chuẩn, tiến độ nhanh nhất với chi phí cạnh tranh, đồng thời góp phần làm thay đổi diện mạo xã hội thông qua những công trình.

Trải qua 10 năm hình thành và phát triển, Đua Fat đã vun đúc kinh nghiệm, không ngừng tăng trưởng, đã có những hướng đi và sự đầu tư riêng biệt khác với thị trường, nhưng theo một chiến lược bài bản. Đó là thử thách không ngừng cho một doanh nghiệp cố gắng vượt qua những định kiến hiện tại của ngành nền móng tại Việt Nam, để góp phần đưa một hướng đi mới đầy triển vọng cho ngành nền móng trong nước.

Từ một doanh nghiệp chỉ có hai máy khoan nhồi, một số máy cầu, máy xúc ... khi thành lập, đến nay Công ty tự hào là công ty hàng đầu của Việt Nam và khu vực về năng lực thiết bị thi công trong lĩnh vực xử lý nền móng nói chung và thi công cọc khoan nhồi nói riêng. Công ty hiện đang sở hữu 30 máy khoan cọc nhồi đời mới vào loại hiện đại (trong đó có những máy lớn nhất thế giới và khu vực như Liebherr LB44, LB36, Bauer BG46, BG42, BG39, Sunward SWDM 36...); Tổ hợp máy móc phụ trợ (cần cẩu, máy xúc, máy phát điện, máy nén khí, máy hàn, máy bơm...) đáp ứng đủ cho số lượng máy khoan hoạt động đồng thời. Ngoài ra Công ty cũng đang sở hữu hệ thống thiết bị thi công xử lý nền móng trên sông, biển số một Việt Nam (bao gồm 1 tàu khoan đa năng và 2 Juckup).

Với lực lượng lao động chuyên nghiệp, lành nghề, nhiều kinh nghiệm cùng với số lượng máy móc, thiết bị hiện đại hàng đầu Việt Nam và khu vực, Công ty không ngừng nghiên cứu, phát triển công nghệ để có thể thi công đa dạng các công nghệ khoan (khoan PRD, RCD, khoan CFA và khoan CCFA, công nghệ cutter...) đáp ứng nhiều loại công trình như: dân dụng, công nghiệp, giao thông, sông, biển... Những dự án tiêu biểu mà Công ty đã thi công như: Dự án dây chuyền 2 nhà máy xi măng Thành Thắng; Nhà máy xi măng Xuân Thành giai đoạn II (công suất 4,5 triệu tấn/năm); Thi công toàn bộ cọc khoan nhồi thí nghiệm và cọc khoan nhồi đại trà thuộc dự án nhà máy xi măng Long Sơn; Cầu Bạch Đằng - đường dẫn và nút giao cuối tuyến theo hình thức BOT; Dự án văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ thương mại và nhà ở MIPEC RIVERSIDE; Thi công cọc khoan nhồi dự án MIPEC hotel Nha Trang; Dự án nâng cấp Cầu Niệm 1 và đường Trường Chinh tại TP. Hải Phòng; Dự án nhà máy thép Hòa Phát; Chung cư Alacarte Hạ Long; Nhà máy xi măng Hoàng Thạch; Khu phức hợp Mipec Xuân Thủy; Golden Land 5 – HH1, HH2; Khách sạn Riviera Cam Ranh...

### 1.3. Quá trình tăng vốn của Công ty

Từ khi thành lập công ty cổ phần (29/06/2009) đến nay, Công ty đã thực hiện 05 lần tăng vốn từ 9,9 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng. Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày trong bảng dưới đây:





TT	Thời gian	VĐL tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức
1	2010	13,1	23	Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu
2	2013	7	30	Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu thưởng
3	2017	70	100	Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu
4	2018	100	200	Phát hành cổ phần riêng lẻ
5	2019	200	400	Phát hành cổ phần riêng lẻ

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat)

Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tăng vốn điều lệ trên.

➤ **Lần 1: Tăng vốn từ 9.900.000.000 đồng lên 23.000.000.000 đồng**

**Cơ sở pháp lý:**

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 01/BB-DUAFAT ngày 25 tháng 7 năm 2010 về việc thay đổi đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 01/QĐĐP ngày 25 tháng 7 năm 2010 về việc thay đổi đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Chi tiết đợt phát hành:**

- Số lượng phát hành: 1.310.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Tổng số cổ phần đã phát hành thành công: 1.310.000 cổ phần.
- Số lượng cổ đông thực tế tham gia đợt phát hành: 3 cổ đông.
- Danh sách cổ đông tham gia đợt phát hành:

STT	Tên cổ đông
-----	-------------



1	Lê Duy Hưng
2	Công ty cổ phần Bất động sản Mipec
3	Trần Văn Phương

**Mục đích sử dụng vốn:**

- Tạm ứng, thanh toán tiền mua máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, tiền thi công công trình chi hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Bổ sung vốn lưu động.
- **Lần 2: Tăng vốn từ 23.000.000.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng**

**Cơ sở pháp lý:**

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 03/2013/QĐ ngày 01 tháng 3 năm 2013 về việc chào bán cổ phần để huy động vốn;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 03/BB ngày 01 tháng 3 năm 2013 về việc thay đổi đăng ký kinh doanh.
- Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat tại ngày 01/3/2013;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 thay đổi lần thứ 3 ngày 4 tháng 6 năm 2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Chi tiết đợt phát hành:**

- Số lượng phát hành: 700.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành:
  - + Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 330.000 cổ phần
  - + Phát hành cổ phần thưởng: 370.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đã phát hành thành công: 700.000 cổ phần.
- Số lượng cổ đông thực tế tham gia đợt phát hành: 3 cổ đông.
- Danh sách cổ đông tham gia đợt phát hành:

STT	Tên cổ đông
1	Lê Duy Hưng
2	Công ty cổ phần Bất động sản Mipec
3	Trần Văn Phương

**Mục đích sử dụng vốn:**

- Tạm ứng, thanh toán tiền mua công cụ dụng cụ, tiền thi công công trình chi hoạt động sản xuất kinh doanh;
- **Lần 3: Tăng vốn từ 30.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng**

**Cơ sở pháp lý:**

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 03/BB-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc thay đổi đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 03/QĐ-ĐHHĐCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc thay đổi đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat tại ngày 31/3/2017;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 thay đổi lần thứ 07 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Chi tiết đợt phát hành:**

- Số lượng phát hành: 7.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Tổng số cổ phần đã phát hành thành công: 7.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ đông thực tế tham gia đợt phát hành: 6 cổ đông.
- Danh sách cổ đông tham gia đợt phát hành:

STT	Tên cổ đông
1	Lê Duy Hưng
2	Trần Văn Phương
3	Nguyễn Thị Thùy Linh
4	Công ty cổ phần Xây dựng Hitechcons Việt Nam
5	Công ty cổ phần Vận tải Đăng Kiên
6	Công ty TNHH MTV Lê Đông

**Mục đích sử dụng vốn:**

- Tạm ứng, thanh toán tiền mua máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, tiền thi công công trình chi hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Bổ sung vốn lưu động.



➤ **Lần 4: Tăng vốn từ 100.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng**

**Cơ sở pháp lý:**

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 01/2018/BB-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 9 năm 2018 về việc chào bán cổ phần để huy động vốn;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 01/2018/NQ-ĐHHĐCĐ ngày 08 tháng 9 năm 2018 về việc chào bán cổ phần để huy động vốn;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 thay đổi lần thứ 08 ngày 25 tháng 9 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Chi tiết đợt phát hành:**

- Số lượng phát hành: 10.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phần riêng lẻ
- Tổng số cổ phần đã phát hành thành công: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng nhà đầu tư thực tế tham gia đợt phát hành: 04 cổ đông.
- Phương án sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động
- Danh sách cổ đông tham gia đợt phát hành:

STT	Tên cổ đông
1	Lê Duy Hưng
2	Trần Văn Phương
3	Nguyễn Thị Thùy Linh
4	Nguyễn Cảnh Trung

**Mục đích sử dụng vốn:**

- Tạm ứng, thanh toán tiền mua máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, tiền thi công công trình chi hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Chi trả nợ vay.
- **Lần 5: Tăng vốn từ 200.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng**

**Cơ sở pháp lý:**



- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 01/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc chào bán cổ phần để huy động vốn;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 01/2019/NQ-ĐHHĐCĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc chào bán cổ phần để huy động vốn;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 20/2019/BB-HĐQT ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat số 21/2019/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Sở cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat tại ngày 21/5/2019;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 thay đổi lần thứ 09 ngày 21 tháng 5 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Chi tiết đợt phát hành:**

- Số lượng phát hành: 20.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phần riêng lẻ
- Tổng số cổ phần đã phát hành thành công: 20.000.000 cổ phần.
- Số lượng nhà đầu tư thực tế tham gia đợt phát hành: 05 cổ đông.
- Phương án sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động
- Danh sách cổ đông tham gia đợt phát hành:

STT	Tên cổ đông
1	Lê Duy Hưng
2	Trần Văn Phương
3	Nguyễn Thị Thùy Linh
4	Nguyễn Cảnh Trung
5	Nguyễn Thu Hiền

**Mục đích sử dụng vốn:**

- Tạm ứng, thanh toán tiền mua công cụ dụng cụ, tiền thi công công trình;
- Chi trả nợ vay.

➤ Bổ sung vốn lưu động

#### 1.4. Thông tin đăng ký công ty đại chúng

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: 09/04/2020
- Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng:
  - o Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 304
  - o Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 4.076.900 cổ phiếu (trương ứng tỷ lệ: 10,19% vốn điều lệ)
- Ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng: 17/12/2020 (theo công văn số 7392/UBCK-GSĐC ngày 17/12/2020 của Ủy ban chứng khoán nhà nước)

#### 1.5. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: DFF
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 40.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ thực góp của Công ty).
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: 0%. Công ty đã thực hiện rà soát các ngành nghề hạn chế tham gia của nhà đầu tư nước ngoài tại website <https://fdi.gov.vn/>. Qua rà soát, Công ty đang có ngành nghề sau có tỷ lệ giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài thấp nhất là 0%:
  - o Đại lý du lịch (Mã ngành: 7911) (link tham khảo: <https://fdi.gov.vn/pages/nganhnghecap3.aspx?NganhNgheCap3ID=69>).
  - o Điều hành tua du lịch (Mã ngành: 7912) (link tham khảo: <https://fdi.gov.vn/pages/nganhnghecap3.aspx?NganhNgheCap3ID=69>)
  - o Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990) (link tham khảo: <https://fdi.gov.vn/pages/nganhnghecap3.aspx?NganhNgheCap3ID=69>)
  - o Như vậy, tỷ lệ tối đa nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu tại Công ty là 0%. Công ty sẽ tiếp tục cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và công bố lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong trường hợp có thay đổi.
- Công ty đã thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN). Ngày 23/06/2021, UBCKNN đã có công văn số

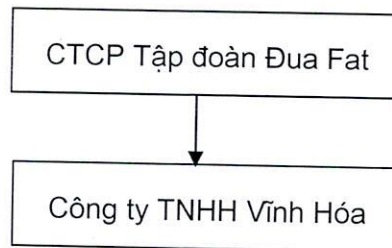
3068/UBCK-PTTT về việc đã nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Tập đoàn Đua Fat là 0%.

- Tại thời điểm ngày 10/05/2021, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat là 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).

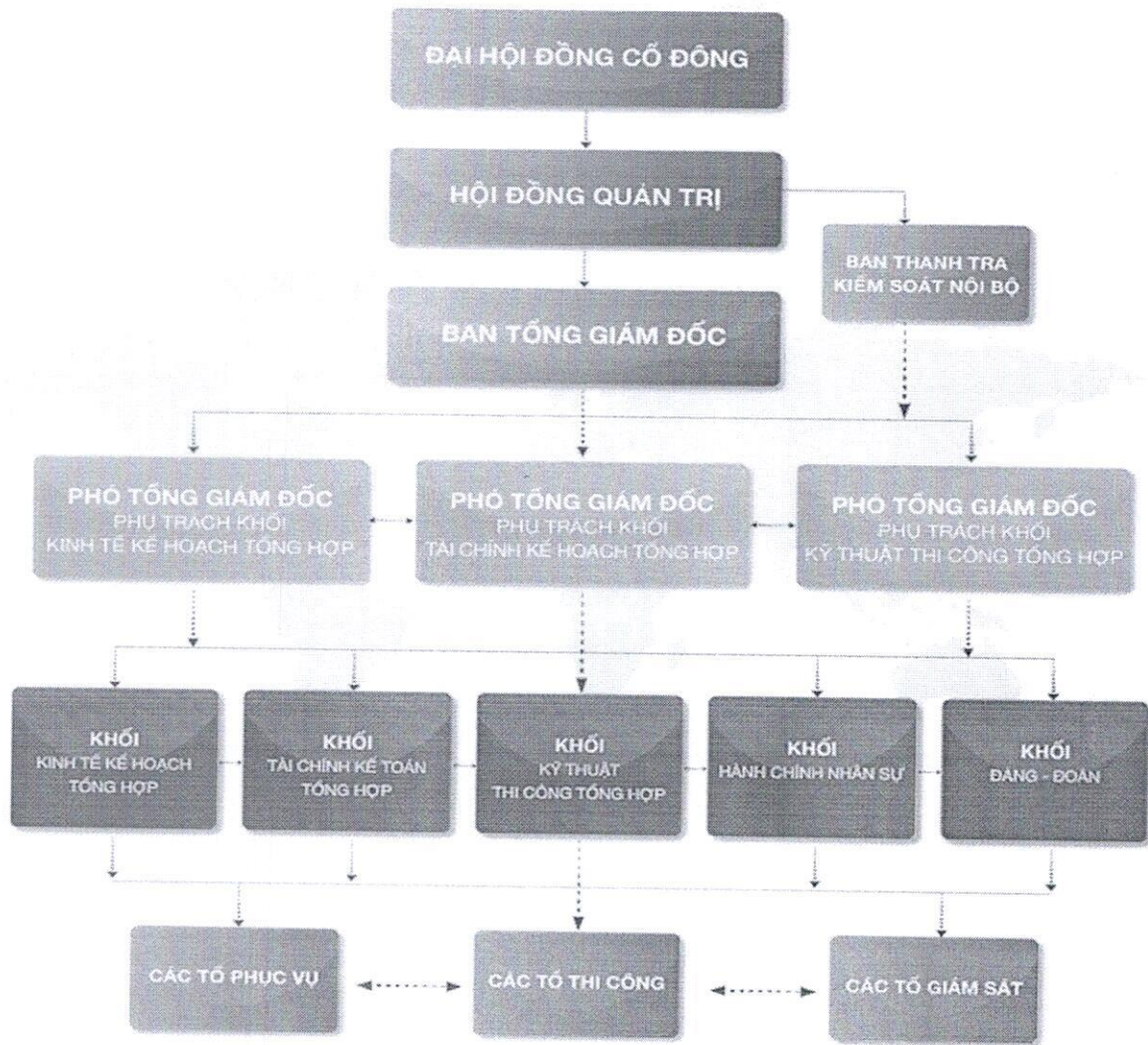
## 2. Cơ cấu tổ chức, quản lý công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat được tổ chức và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104008162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/06/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 13/05/2020.

### Sơ đồ cơ cấu tổ chức



### Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với các nội dung chi tiết như sau:

## 2.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

## 2.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm, có nhiệm vụ: quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm



soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty.

03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Nguyễn Cảnh Trung	Ủy viên Hội đồng quản trị
3	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Ủy viên Hội đồng quản trị

### 2.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm, có nhiệm vụ: thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn; thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty gồm những thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ngô Thị Dung	Kiểm soát viên
3	Trần Trung Hải	Kiểm soát viên

### 2.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Tổng Giám đốc hiện tại của Công ty gồm 04 (bốn) thành viên. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc của Công ty tại thời điểm lập Bản Công bố thông tin này bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đàm Văn Lý	Tổng Giám đốc
2	Ông Đỗ Quốc Phương	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Đào Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Đinh Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

## 2.5. Các phòng ban chức năng và đơn vị sản xuất trực thuộc

### a) Khối Kinh tế Kế hoạch Tổng hợp

#### ➤ Thực hiện công tác kế hoạch:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo, tháng, quý, năm;
- Theo dõi, kiểm tra và báo cáo tiến độ, doanh thu sản lượng thực hiện các dự án định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty;
- Theo dõi, quản lý việc sử dụng và nhập liệu trên Phần mềm DF talk, cập nhật kịp thời các vấn đề phát sinh để có số liệu về chi phí thi công thực tế và tham mưu cho Ban lãnh đạo về tính hiệu quả của dự án;
- Kết hợp với khối tài chính kế toán tổng hợp xây dựng nhu cầu và kế hoạch vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (trên cơ sở kế hoạch thanh toán, quyết toán theo hợp đồng cho từng công trình);
- Kết hợp với các bộ phận khác liên quan để lập đối chiếu công nợ và thu hồi công nợ từ các Chủ đầu tư/thầu chính theo tháng để đảm bảo tình hình sản xuất kinh doanh cho Công ty;
- Lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm và kế hoạch phát triển cho các năm tiếp theo.

#### ➤ Thực hiện công tác hợp đồng:

- Soạn thảo và tư vấn cho Ban lãnh đạo về hợp đồng kinh tế với Chủ đầu tư, tham gia đàm phán và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư hoặc bên giao thầu. Triển khai việc thực hiện tới các bộ phận và các nhà thầu phụ;
- Kết hợp chặt chẽ, kịp thời với các bộ phận khác, các nhà thầu phụ về các phát sinh liên quan để làm công văn và phụ lục hợp đồng;
- Theo dõi, kiểm soát, quản lý tình hình thực hiện các hợp đồng (tạm ứng, thanh toán, quyết toán, bảo hành và thanh lý hợp đồng);

- Kiểm soát các hợp đồng kinh tế mua bán vật tư, thiết bị, thuê mướn thầu phụ của các phòng ban trong Công ty. Phối hợp với các phòng ban liên quan để kiểm soát các hợp đồng này cùng với hồ sơ thanh toán, hóa đơn kèm theo hợp lệ và theo quy chế Công ty;
- Phối hợp với Khối Tài chính kế toán trong việc hạch toán và lấy chi phí cho các công trình đảm bảo theo quy định theo pháp luật.

➤ Thực hiện công tác đấu thầu - báo giá:

- Theo dõi tìm hiểu các dự án đang đấu thầu phù hợp với năng lực Công ty để tư vấn cho Ban lãnh đạo tham gia đấu thầu;
- Chủ trì trong việc làm hồ sơ dự thầu các công trình đảm bảo đúng yêu cầu và thời gian;
- Kết hợp với các bộ phận khác trong việc quản lý các danh mục hoàn thiện hồ sơ dự thầu (về báo cáo tài chính, nhân sự, máy móc, thuyết minh, tiến độ và biện pháp thi công);
- Chịu trách nhiệm nộp và theo dõi hồ sơ dự thầu cho đến khi có kết quả và triển khai các bước tiếp theo;
- Chịu trách nhiệm tính toán khối lượng, xây dựng biện pháp thi công và chào giá các công trình, tư vấn cho Ban lãnh đạo về mức giá;
- Theo dõi chi phí thực tế các công trình để đưa ra mức giá hợp lý và cạnh tranh cho các công trình, phát triển và tận dụng hiệu quả phần mềm DF talk trong quản lý;
- Cập nhật, tìm hiểu các quy định mới của pháp luật để hoàn thiện công tác đấu thầu đáp ứng đúng và đủ;
- Xây dựng hệ thống video, ảnh, tài liệu về các biện pháp thi công của Công ty phục vụ đấu thầu và quảng cáo thương hiệu và lưu trữ.

➤ Thực hiện công tác quản lý nhà thầu phụ:

- Tổ chức, phối hợp với các phòng ban ký hợp đồng với các nhà thầu phụ thi công kịp thời và hiệu quả;
- Theo dõi, kiểm soát hồ sơ thanh quyết toán, công nợ và đề nghị thanh toán cho các nhà thầu phụ trong quá trình thi công;
- Phối hợp với các phòng ban xây dựng định mức tiêu hao vật tư, máy móc, công cụ dụng cụ và các khoản chi phí khác để hoàn thiện công tác giao khoán;

**b) Khối Tài chính Kế toán Tổng hợp**

Khối Tài chính Kế toán Tổng hợp có nhiệm vụ:

- Công tác Tài chính

- Đôn đốc các bộ phận liên quan đến hồ sơ công nợ hoàn thiện để đủ điều kiện thu hồi vốn;
- Đối chiếu công nợ với khách hàng và tiến hành thu hồi công nợ các khoản công nợ đến hạn;
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền thu hồi được;
- Phối hợp với các phòng ban và các giám đốc dự án về kế hoạch ký kết các hợp đồng mới để chuẩn bị hồ sơ làm việc với các ngân hàng về tài trợ vốn ngắn hạn và cấp các loại bảo lãnh;
- Làm việc và cung cấp hồ sơ cho các tổ chức tín dụng trong việc xây dựng hạn mức ngắn hạn, trung và dài hạn và mở LC;
- Xây dựng kế hoạch tài chính theo ngày, tháng, quý, năm;
- Xây dựng kế hoạch chi tiêu hàng ngày từ các bộ phận, cân đối từ nguồn tiền thu hoặc huy động vốn để chi tiêu hợp lý;
- Chuẩn bị hồ sơ giải ngân theo quy định của các tổ chức tín dụng.
- Công tác kế toán và kiểm soát chi phí
  - Tổ chức tiếp nhận hồ sơ chứng từ và các đề nghị tài chính từ các bộ phận phòng ban, tổ đội;
  - Phối hợp với bộ phận kiểm soát định mức và quản trị rủi ro để đánh giá và xét duyệt hồ sơ chứng từ và chi phí;
  - Kiểm tra kiểm soát các khoản chi phí trình giám đốc khởi phê duyệt;
  - Cập nhật phần mềm quản trị doanh nghiệp;
  - Kiểm soát hóa đơn chứng từ phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật Nhà nước;
  - Tổ chức hạch toán kế toán tất cả các nghiệp vụ kế toán phát sinh, theo dõi công nợ và đôn đốc thu hồi chứng từ;
  - Lập báo cáo tài chính định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Công ty và các đối tượng bên ngoài;
  - Lập các báo cáo khác theo yêu cầu của các bộ phận liên quan, của Giám đốc khối và ban lãnh đạo Công ty;
  - Làm việc với các đơn vị kiểm toán, thanh tra, kiểm tra và các công việc liên quan.
- Công tác vật tư
  - Kiểm soát và xét duyệt các đề nghị vật tư, công cụ dụng cụ của các bộ phận, tiến hành mua bán và cung cấp;
  - Kiểm soát định mức, phối hợp với bộ phận kế toán và bộ phận kế hoạch để kiểm soát các khoản chi phí;

- Xác định các khoản công nợ phải trả vật tư công cụ đến hạn trả, lập kế hoạch chi tiêu các khoản phải trả trình Giám đốc khối và phối hợp với bộ phận tài chính để chi trả;
- Chỉ đạo các bộ phận cập nhật chi phí lên phần mềm quản trị, điều động công cụ dụng cụ phân bổ các loại chi phí chung, giám sát việc thực hiện và đưa ra các biên bản xử phạt;
- Giám sát việc cập nhật vật tư, công cụ dụng cụ và các chi phí khác lên phần mềm và đưa ra biên bản xử phạt;
- Lập báo cáo quản trị theo yêu cầu của giám đốc khối và ban lãnh đạo tại mọi thời điểm.

**c) Khối Kỹ Thuật Thi công Tổng hợp**

- Các bộ phận gián tiếp trong khối Kỹ thuật Thi công tổng hợp có chức năng tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến, giúp việc cho Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối Kỹ thuật Thi công tổng hợp tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện các công tác trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn, công việc được Tổng Giám đốc phân công những lĩnh vực hoạt động chung của Công ty;
- Các Đội (hoặc Tổ) thi công (gọi chung là Đơn vị thi công) có chức năng thực hiện các nhiệm vụ thi công các hạng mục công trình, dự án mà Công ty là Nhà thầu thi công;
- Thực hiện đúng biện pháp thi công được Giám đốc khối Kỹ thuật Thi công tổng hợp phê duyệt đảm bảo tiến độ, chất lượng và khối lượng theo kế hoạch sản xuất hàng tuần, hàng tháng và hàng quý được Ban lãnh đạo Công ty giao;
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các máy móc, thiết bị và nhân lực được Công ty giao quản lý;
- Quản lý và sử dụng vật tư tiết kiệm, bảo quản tốt các loại vật tư được giao và quản trị các định mức vật tư Công ty ban hành;
- Quản trị tỷ lệ hao hụt sắt thép, bê tông... dưới mức cho phép do Chủ đầu tư yêu cầu trong các Hợp đồng thi công và theo quy định của Công ty.

**d) Khối Hành chính Nhân sự**

➤ Công tác Quản trị Hành chính:

- Công tác lễ tân, khánh tiết, quản trị văn phòng:
  - ✓ Trực lễ tân, tổng đài điện thoại, máy fax, máy photocopy;
  - ✓ Hướng dẫn cán bộ, công nhân viên, khách đến giao dịch công việc thực hiện đúng các quy định của Công ty về lễ tiết tác phong, nội quy, nề nếp và chế độ làm việc. Chịu trách nhiệm về công tác lễ tân, khánh tiết của Công ty;
  - ✓ Quản lý điều phối đội xe văn phòng Công ty (nhân sự và phương tiện) phục vụ theo yêu cầu nhiệm vụ của Công ty;

- ✓ Lập kế hoạch mua sắm máy móc, trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ yêu cầu công việc của Công ty trình Tổng Giám đốc phê duyệt; chủ trì triển khai cấp phát văn phòng phẩm theo kế hoạch được duyệt. Quản lý toàn bộ máy móc, thiết bị văn phòng, quản lý đội xe ô tô của Công ty. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị văn phòng, và đề xuất sửa chữa, thay thế linh kiện, phụ tùng (nếu có) nhằm đảm bảo cho máy móc, thiết bị văn phòng luôn sử dụng tốt cho nhu cầu công việc;
- ✓ Thay mặt lãnh đạo Công ty thực hiện các giao dịch công việc thường nhật với chính quyền địa phương nơi Công ty đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, xưởng sản xuất, đội thi công (nếu có) phục vụ yêu cầu công việc của Công ty;
- ✓ Chủ trì, phối hợp với các khối nghiệp vụ, đơn vị có liên quan để chuẩn bị kế hoạch, tài liệu, trang thiết bị cần thiết phục vụ các cuộc họp, hội nghị hay các sự kiện khác của Công ty;
- ✓ Chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ, an ninh trật tự, công tác bảo đảm vệ sinh môi trường tại trụ sở Công ty.
- Công tác văn thư lưu trữ:
  - ✓ Tiếp nhận, xử lý thông tin, tài liệu, văn bản đến và đi. Căn cứ vào nội dung, tính chất tài liệu để sao gửi đến các bộ phận, cá nhân có liên quan. Mọi văn bản đi, đến đều phải được sao lưu một bản tại bộ phận văn thư. Các văn bản về điều hành thì sao lưu và gửi đến Tổng Giám đốc; các văn bản về quản trị thì gửi đến Chủ tịch HĐQT; các văn bản gửi đích danh cá nhân, đơn vị thì gửi đến cá nhân, đơn vị. Ngoài ra, sao gửi văn bản đến các cá nhân, đơn vị liên quan khác khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền khác;
  - ✓ Quản lý, sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của Công ty và pháp luật;
  - ✓ Quản lý bản gốc các giấy tờ liên quan đến: con dấu, mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Công ty; các giấy tờ về đăng ký tên thương hiệu, nhãn hiệu hàng hoá... (sau đây gọi chung là hồ sơ pháp lý);
  - ✓ Quản lý kho lưu trữ, bảo mật tài liệu, hồ sơ có liên quan của Công ty theo quy định; hướng dẫn thủ tục để các cá nhân, đơn vị liên quan trong việc nghiên cứu, khai thác, sử dụng hồ sơ, tài liệu lưu trữ của Công ty phục vụ công việc được giao (nếu có) theo quy định.
- Công tác Quản trị nhân sự, lao động và tiền lương:
  - Chủ trì công tác tuyển dụng, quản lý, đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, đào tạo, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; lưu giữ, bảo mật hồ sơ, tài liệu liên quan về công tác nhân sự, lao động và tiền lương;
  - Chủ trì và phối hợp với các phòng, ban, đơn vị để xây dựng đơn giá tiền lương, định mức nhân công trong toàn Công ty cho phù hợp;

- Chủ trì công tác lập hồ sơ mua bảo hiểm xã hội cho người lao động; công tác lập hồ sơ để giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội hiện hành;
- Theo dõi, giám sát việc chấp hành nội quy, nề nếp, chế độ làm việc của người lao động;
- Tham mưu, tư vấn cho Tổng Giám đốc về việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty sao cho ngày càng phù hợp.
- Công tác truyền thông, xây dựng và phát triển thương hiệu:
  - Phối hợp với bộ phận phần mềm Quản trị mạng internet, website của Công ty;
  - Phối hợp với bộ phận phần mềm trong công tác thông tin, truyền thông, xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty; quản lý hồ sơ nhận diện thương hiệu của Công ty.
- Công tác đầu giá tài sản:
  - Chủ trì thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động bán đầu giá các tài sản của Công ty theo chỉ đạo của Tổng giám đốc.

**e) Khối Đảng – Đoàn**

- Cùng các khối và Ban lãnh đạo Công ty xây dựng và lãnh đạo Công ty phát triển bền vững, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty, các cổ đông và người lao động;
- Khối Đảng - Đoàn đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ công nhân viên tại đơn vị; có trách nhiệm phối hợp với lãnh đạo đơn vị tổ chức tuyên truyền, giáo dục, động viên cán bộ, công chức, viên chức phát huy dân chủ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

**3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

**3.1. Cơ cấu cổ đông Công ty**

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 10/05/2021 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	307	40.000.000	100%
1	Cổ đông trong nước	307	40.000.000	100%
	- Tổ chức	0	0	0%
	- Cá nhân	307	40.000.000	100%



Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
<b>II</b>	<b>Cổ đông lớn, cổ đông khác</b>	<b>307</b>	<b>40.000.000</b>	<b>100%</b>
1	Cổ đông lớn	3	35.923.100	89,81%
2	Cổ đông khác	304	4.076.900	10,19%
<b>@</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>307</b>	<b>40.000.000</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

### 3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 10/05/2021 như sau:

STT	Cổ đông	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	Lê Duy Hưng	040079000203	BT1-A36, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	24.800.000	62,00
2	Nguyễn Cảnh Trung	182209702	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	6.000.000	15,00
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	187347157	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	5.123.100	12,81
<b>@</b>		<b>Tổng</b>		<b>35.923.100</b>	<b>89,81</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

### 3.3. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Công ty được thành lập 29/06/2009, theo quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, đến nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.



4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

4.1. Công ty mẹ của Công ty, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

*Không có*

4.2. Công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Tên công ty	Mã số doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ (đồng)
Công ty TNHH Vĩnh Hóa	0106882263	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	99%	30.000.000.000

*Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat*

## 5. Hoạt động kinh doanh

### 5.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, xử lý nền móng, trong đó thế mạnh của Công ty là thi công khoan cọc nhồi, xử lý nền đất, tường vây... Nguồn thu của Công ty đến từ các mảng: bán vật tư thiết bị (Ví dụ: thép hình, thép xây dựng, thanh lý máy móc thiết bị .v.v.), kinh doanh bất động sản và thu từ thi công các công trình xây dựng (Một số công trình tiêu biểu: Nhà máy thép Hòa Phát tại Quảng Ngãi, Đê chống ngập Sài Gòn, Nhà Máy xi măng Long Sơn tại Thanh Hóa .v.v.). Hiện tại, nguồn thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ. Công ty con là Công ty TNHH Vĩnh Hóa với dây chuyền sản xuất gạch tuynel hiện vẫn đang trong giai đoạn đầu tư.

### 5.2. Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty

#### ➤ Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động qua các năm

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hàng hóa	-	-	189.995	21,42	-	-



Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản	6.005	0,70	11.083	1,25	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	803.159	94,09	565.983	63,08	127.181	76,06
Doanh thu cho thuê tài sản	44.405	5,20	120.094	13,54	40.031	23,94
<b>Tổng cộng</b>	<b>853.569</b>	<b>100</b>	<b>887.155</b>	<b>100</b>	<b>167.212</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020, BCTC hợp nhất Quý I 2021 của Công ty

Cơ cấu doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động xây dựng. Năm 2020, phát sinh thêm mảng doanh thu từ hoạt động bán nguyên vật liệu là sắt thép phục vụ xây dựng công trình. Tổng thể, doanh thu thuần năm 2020 tăng 3,93% so với năm 2019. Mảng cho thuê tài sản cũng có sự tăng trưởng tốt và dần chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ cấu tổng doanh thu. Doanh thu mảng cho thuê tài sản chỉ bắt đầu phát sinh từ tháng 7 năm 2019 do đó doanh thu mảng cho thuê tài sản năm 2020 cao hơn nhiều so với năm 2019.

➤ **Cơ cấu lợi nhuận gộp theo các mảng hoạt động qua các năm**

Đơn vị tính: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bán hàng hàng hóa	-	-	2.544	2,50	-	-
Kinh doanh hàng hóa bất động sản	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng xây dựng	58.685	65,48	77.039	75,80	4.384	18,05
Cho thuê tài sản	30.944	34,52	22.048	21,69	19.902	81,95
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.629</b>	<b>100</b>	<b>101.631</b>	<b>100</b>	<b>24.286</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của Công ty

Lợi nhuận gộp của Công ty đến chủ yếu từ mảng thi công xây dựng và cho thuê tài sản.

Mảng kinh doanh hàng hóa bất động sản lợi nhuận gộp bằng 0 do các bất động sản Công ty bán trong năm là những bất động sản hình thành do các chủ đầu tư thanh toán giá trị thi công bằng cách gán các bất động sản này khi thực hiện quyết toán công trình. Do được gán nợ theo giá thị trường nên khi thực hiện bán lại tài sản, Công ty không thu được lợi nhuận. Lợi nhuận gộp năm 2020 tăng 13,39% so với năm 2019. Mặc dù, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 dẫn đến doanh thu thuần mảng thi công xây dựng sụt giảm so với năm 2019 nhưng lợi nhuận gộp lại tăng 31,28% so với cùng kỳ năm 2019. Điều này thể hiện Công ty đã nỗ lực tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Lợi nhuận gộp mảng cho thuê tài sản giảm so với năm 2019. Nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh của các đối tác của Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên trong năm 2020 Công ty đã thực hiện giảm 15% giá cho thuê đối với khách hàng của Công ty.

### 5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty qua các năm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2019		Năm 2020		Quý I/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	763.939	89,98	785.524	90,81	142.925	85,48
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.653	2,90	18.974	2,19	5.149	3,08
Chi phí tài chính	60.433	7,12	60.568	7,00	18.746	11,21
<b>Tổng cộng</b>	<b>849.025</b>	<b>100</b>	<b>865.065</b>	<b>100</b>	<b>166.820</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020, BCTC HN Quý I/2021 của Công ty

Tổng chi phí năm 2020 tăng 1,89% so với năm 2019. Về cơ cấu chi phí, tỷ trọng của các chi phí trong tổng chi phí không biến động nhiều và gần như giữ nguyên tỷ trọng qua các năm. Điều này phản ánh Công ty đã quản lý các chi phí tương đối chặt chẽ.

### 5.4. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	CHỦ ĐẦU TƯ	GIÁ TRỊ HĐ (Đồng)	THỜI GIAN THI CÔNG
1	Cảng tổng hợp Cà Ná-Ninh Thuận – Gói thầu 01: Thi công nạo vét, san lấp,	Công ty CP Cảng quốc tế Trung Nam Cà	438.000.473.695	30/08/2020 – 25/08/2021



	xử lý nền	Ná		
2	Cảng tổng hợp Cà Ná- Ninh Thuận – Gói thầu 03: Thi công xây dựng kết cầu 1A, 1B	Công ty CP Cảng quốc tế Trung Nam Cà Ná	582.382.455.170	31/08/2020 – 26/08/2020
3	Gói thầu thi công khoan cọc nhồi, hạng mục: trụ T6, T7, Dự án: Cầu Cửa Lục 3	Công ty TNHH TM và Xây dựng Trung Chính	17.640.000.000	20/11/2020 – 24/01/2021
4	Thi công cọc khoan nhồi nhà máy điện gió Hướng Tân	Công ty CP điện gió Hướng Tân	23.173.903.838	10/12/2020 – 28/04/2021
5	Thi công cọc khoan nhồi nhà máy điện gió Tân Linh	Công ty CP điện gió Tân Linh	34.376.426.924	10/12/2020 – 11/4/2021
6	Bến Tàu Lai – 2021 – Dự án: Khu liên hiệp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	48.202.131.449	21/2/2021- 06/08/2021
7	Cầu Vân Tiên - trụ T1- T12*	Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Trung Chính	40.769.920.000	08/01/2021 - 07/06/2021
8	Cầu Vân Tiên - trụ T20- T34	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Thái Yên	17.310.000.000	04/01/2021 – 24/05/2021
11	Nhà máy điện gió Eanam	CN Tây Nguyên – Công ty cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	39.225.501.722	16/03/2021– 31/05/2021
13	Tiến bộ Plaza	Công ty Cổ phần TID	78.964.079.960	31/03/2021 - 29/06/2021
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.280.819.391.036</b>	

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

**6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất****6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

Theo báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng



Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% (+/-)	Quý I/2021
1	Tổng giá trị tài sản	1.534.530	1.887.950	23,03	1.814.474
2	Vốn chủ sở hữu	449.185	470.929	4,84	472.294
3	Doanh thu thuần	853.569	887.155	3,93	167.212
4	Lợi nhuận từ HĐKD	5.580	24.866	345,62	403
5	Lợi nhuận khác	19.630	4.153	-78,84	1.304
6	Lợi nhuận trước thuế	25.210	29.019	15,11	1.707
7	Lợi nhuận sau thuế	20.142	23.211	15,24	1.306
8	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	20.175	23.211	15,05	1.306
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-33	0	NA	0
10	Giá trị sổ sách cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	11.185	11.766	5,19	11.800

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của Công ty*

**Theo báo cáo tài chính riêng**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% (+/-)	Quý I/2021
1	Tổng giá trị tài sản	1.530.603	1.850.380	20,89	1.757.498
2	Vốn chủ sở hữu	447.437	470.669	5,19	472.035
3	Doanh thu thuần	851.821	887.155	4,15	167.212
4	Lợi nhuận từ HĐKD	5.607	24.887	343,88	403
5	Lợi nhuận khác	19.635	4.153	-78,85	1.304
6	Lợi nhuận trước thuế	25.242	29.041	15,05	1.707
7	Lợi nhuận sau thuế	20.194	23.233	15,05	1.366
8	Giá trị sổ sách cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	11.186	11.767	5,19	11.801

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng Quý I/2021 của Công ty*

## 6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

➤ **Thuận lợi:**

- TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quảng Ninh và các tỉnh lân cận là những thị trường phát triển, nhu cầu xây dựng, nhà đất là rất lớn, thị trường Công ty đang khai thác là tiềm năng và lâu dài;
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, có nhiều kinh nghiệm, đoàn kết và gắn bó với công ty nhiều năm;
- Công ty đang được bạn hàng tín nhiệm, và có sự ủng hộ cao của chính quyền địa phương các cấp và đặc biệt là sự tin tưởng của các Nhà đầu tư;
- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty các năm qua đều tốt, có sự tăng trưởng ổn định tạo tiền đề phát triển cho các năm tới.

➤ **Khó khăn:**

- Dịch bệnh Covid 19 tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước và toàn cầu. Trong năm 2020, nhiều lần dịch bệnh bùng phát khiến cho hoạt động giao thương bị ảnh hưởng. Các tỉnh và thành phố phải thực hiện phong tỏa hoặc kiểm soát các hoạt động đông người khiến cho việc sản xuất, thi công gặp nhiều khó khăn.
- Do ngành xây dựng là đầu ra chủ yếu của các ngành sản xuất vật liệu xây dựng khác như thép, xi măng, vật liệu phụ trợ khác... nên ảnh hưởng có tính dây chuyền, chi phí đầu vào của Công ty phụ thuộc nhiều vào yếu tố bên ngoài.
- Nguồn vốn chưa đáp ứng đủ cho yêu cầu đầu tư với tốc độ phát triển nhanh của Công ty.

## 7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 7.1. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty cổ phần nền móng Đua Fat được thành lập vào ngày 29 tháng 06 năm 2009, hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực xử lý nền móng, thăm dò địa chất. Trải qua hơn 11 năm phấn đấu và phát triển, Công ty đã từng bước khẳng định năng lực của mình trong lĩnh vực nền móng và xây dựng. Vươn mình từ một công ty xây dựng non trẻ do kỹ sư Lê Duy Hưng với nhiệt huyết vô hạn cho công nghệ khoan địa chất, nay đã là Công ty cổ phần tập đoàn Đua Fat với hàng nghìn cán bộ công nhân viên kỹ sư.

Đặc điểm làm nên thương hiệu Đua Fat trên thị trường chính là dấu ấn khi tham gia xây dựng các công trình lớn, trọng điểm như: Khu liên hợp nhà máy gang thép và cảng nước sâu Hòa Phát Dung Quất – Bình Sơn Quảng Ngãi, Khu du lịch trên cao Bà Nà Hills do Sun Group làm chủ đầu tư, Cầu Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng, Cầu Bạch Đằng – do Trung Nam Group làm tổng thầu, Tổ hợp nhà máy xi măng Xuân Thành – Tập đoàn Xuân Thành, dự án cao tốc Nội Bài – Lào Cai...

Tại Đua Fat, triết lý hoạt động ban lãnh đạo được định hướng rõ ràng theo tôn chỉ:

**“Chất lượng tốt nhất – Tiến độ nhanh nhất – Giá cả hợp lý nhất”**

Để làm được điều này, Đua Fat không ngừng tìm tòi những hướng đi và sự đầu tư riêng biệt khác với thị trường. Đua Fat đã mạnh dạn liên tục đầu tư vào máy móc, trang thiết bị công nghệ thi công hiện đại, chuyên giao trực tiếp từ các tập đoàn công nghiệp đa quốc gia với công nghệ sản xuất công nghệ hàng đầu thế giới về chế tạo máy móc trong lĩnh vực xây dựng. Tập đoàn LIEBHERR của Đức với hệ thống máy khoan cọc nhồi LB28, LB36 và LB44, trong đó máy khoan LB44 là máy khoan có công suất lớn nhất tới thời điểm hiện tại mà hãng chế tạo và sản xuất, Tập đoàn đa quốc gia Bauer với cỡ máy khoan nhồi lớn nhất thế giới BG46 với đường kính khoan đáp ứng lên tới 3.700mm và độ sâu 126m, tập đoàn Sunward (với tầm cỡ quốc tế về nghiên cứu, chế tạo và sản xuất máy xây dựng đặc biệt là máy móc phục vụ khoan nhồi tùy biến với từng hạng mục địa chất công trình).

Chiến lược phát triển bài bản tập trung đầu tư vào không chỉ máy móc, thiết bị mà còn đầu tư cho sự phát triển nguồn nhân lực và nền tảng quản lý con người. Thời điểm nửa đầu năm 2015, khi mà thuật ngữ quản trị 4.0 còn tương đối lạ lẫm với đa số tập đoàn xây dựng, thì Đua Fat đã có cho mình hệ thống phần mềm số Duafat Talk, Duafat Fieldcheck. Theo đó, số hóa toàn bộ các quy trình quản lý doanh nghiệp, dự toán công trình và giám sát thi công. Giúp cho chủ doanh nghiệp có được sự tự tin và tiến độ và chất lượng công trình, rút gọn hàng trăm quy trình quản lý hành chính cũng như tạo thói quen và tư duy quản lý công nghiệp hiện đại cho hàng nghìn cán bộ công nhân viên tập đoàn. Thực tế cho thấy hiệu quả rõ rệt của Đua Fat trước và sau khi áp dụng, cho thấy sự nhạy bén và tầm nhìn của Ban lãnh đạo Công ty với thời đại số, mang lại cho Đua Fat vị thế tiên phong trong ngành.

Thành quả của nỗ lực đó đã được đền đáp. Từ số vốn chỉ hơn 9 tỷ đồng, đến nay Đua Fat đã thành doanh nghiệp với tổng vốn điều lệ lên tới 400 tỷ đồng. Đặc biệt, tổng số máy móc ngành nền móng chiếm tới 87% tổng tài sản của Đua Fat. Máy móc và con người Đua Fat đã và đang có mặt ở hầu hết các công trình xây dựng lớn trong cả nước.

Những bước đi ngày càng vững chắc đó đặt lên vai Đua Fat sứ mệnh và trách nhiệm phải trở thành doanh nghiệp đóng vai trò mũi nhọn cho sự phát triển của ngành nền móng Việt Nam. Để hoàn thành sứ mệnh này, Đua Fat sẽ hoàn thiện hơn nữa cơ cấu tổ chức và mở rộng khả năng hoạt động của mình. Đua Fat cũng mong muốn đón nhận các nguồn đầu tư tài chính của những nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm đến ngành nền móng nói riêng và ngành xây dựng nói chung, mong muốn một nền kinh tế hấp dẫn hơn trong tương lai.

## **7.2. Triển vọng phát triển ngành**

Ngành xây dựng nói chung và ngành thi công nền móng nói riêng trong thời gian tới có nhiều yếu tố hỗ trợ phát triển. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, nền kinh tế Việt Nam và thế giới bị ảnh hưởng, tốc độ phát triển kinh tế suy giảm. Điều này buộc Chính phủ phải tăng cường đầu tư công để thúc đẩy phát triển kinh tế. Do vậy, đây sẽ là cơ hội để những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công nền móng tranh thủ những ưu đãi và hỗ trợ từ Chính phủ.

## 8. Chính sách đối với người lao động

### 8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

#### Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân theo giới tính</b>	<b>139</b>	<b>100</b>
- Nam	116	83,45
- Nữ	23	16,55
<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>139</b>	<b>100</b>
- Trình độ đại học và trên đại học	56	40,29
- Trình độ cao đẳng trung cấp	2	1,44
- Đối tượng khác	81	58,27

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

### 8.2. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức cho khối gián tiếp làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 giờ. Đối với khối trực tiếp, thực hiện công việc đặc thù công ty áp dụng giờ làm việc theo ca, đảm bảo mỗi ca làm việc không quá 8 tiếng. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì Công ty và người lao động thỏa thuận làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng, địa điểm làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

### 8.3. Chính sách tuyển dụng

Hàng năm dựa trên chiến lược kinh doanh, mục tiêu phát triển chung, Công ty tổ chức xây dựng chính sách, kế hoạch tuyển dụng cụ thể đáp ứng nhu cầu nguồn lực cho sản xuất kinh doanh. Công ty ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của công việc. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện hợp tác với các trường Đại học để tìm kiếm sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn lực phát triển lâu dài cho Công ty.

### 8.4. Chính sách đào tạo



Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực. Quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn gửi các cán bộ có thành tích xuất sắc và năng lực tốt đi tham gia vào các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức hoặc do các trường Đại học, Trung tâm dạy nghề mở để nâng cao tay nghề, nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn.

### 8.5. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty đã ban hành quy chế tiền lương thưởng dựa trên sự đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của công ty. Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp lễ, tết của quốc gia, Công ty còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tiền lương, phụ cấp lương dựa trên thang bảng lương đăng ký với Phòng Lao động TBXH Quận có thỏa thuận với người lao động.

Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

### 8.6. Mức lương bình quân

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân /người/tháng	10.000.000	15.000.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

## 9. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị kiến nghị và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Năm 2019, 2020 Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức.

## 10. Tình hình tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	03 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ, quản lý	02 – 05 năm

#### 11.1.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

#### 11.1.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2020 như sau:

		<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>		
Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán phải nộp	388	-	-
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.750(*)	14.481	14.823
3	Thuế thu nhập cá nhân	88	53	43
4	Các loại thuế khác	-	-	-
<b>@</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.227</b>	<b>14.534</b>	<b>48.866</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của Công ty.*

(\*) Số dư Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại ngày 31/12/2019 đã được Công ty đóng theo nội dung giấy nộp tiền vào ngân sách số 2021051250652454 (Số tiền nộp: 1.008.152.799 đồng) ngày 12/05/2021 và số 20210608506544541 (Số tiền nộp: 8.218.740.943 đồng) ngày 08/06/2021.

#### 11.1.3. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và 2020, Đại hội đồng cổ đông không phân chia lợi nhuận vào các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi.

#### 11.1.4. Tổng dư nợ vay

Cho đến thời điểm ngày 31/12/2020, dư nợ vay của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản vay	31/12/2019	31/12/2020
<b>A</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>360.882</b>	<b>615.950</b>
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>275.225</b>	<b>537.192</b>
1	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Tây Hồ	90.440	225.941
2	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hà Nội	44.945	196.442
3	Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Thăng Long	101.714	81.056
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long	-	14.426
5	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Sơn Tây	15.006	19.328
6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	23.119	-
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>76.923</b>	<b>59.843</b>
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tây Hồ	2.036	1.139
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng	4.600	-
3	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hà Nội	55.432	43.440
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thăng Long	319	319
5	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Láng Hạ	3.423	3.965
6	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh tây Hà Nội	11.112	10.979
<b>III</b>	<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>	<b>8.734</b>	<b>18.913</b>
1	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.500	10.043
2	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.234	8.870
<b>B</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>207.995</b>	<b>205.431</b>
<b>I</b>	<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>172.950</b>	<b>139.861</b>
1	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Tây Hồ	1.139	-



STT	Khoản vay	31/12/2019	31/12/2020
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng	6.060	-
3	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hà Nội	131.177	81.475
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thăng Long	665	346
5	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Láng Hạ	15.606	13.449
6	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội	18.302	7.323
7	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Công ty TNHH Vĩnh Hoa)	-	37.268
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn các tổ chức khác</b>	<b>12.280</b>	<b>12.280</b>
1	Công ty cổ phần Hóa dầu Quân đội	12.280	12.280
<b>III</b>	<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>22.765</b>	<b>53.290</b>
1	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.625	28.733
2	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20.140	24.557

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2020 của Công ty

#### 11.1.5. Tình hình công nợ

##### - Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>565.366</b>	<b>775.493</b>	<b>595.438</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	404.495	691.336	445.094
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	116.074	72.091	137.967
3	Phải thu ngắn hạn khác	44.797	12.067	12.378
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>11.820</b>	<b>18.541</b>	<b>18.541</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>577.186</b>	<b>794.034</b>	<b>613.979</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và BCTC HN quý I/2021 của Công ty.

Các khoản phải thu có tỷ trọng lớn tại khoản phải thu của khách hàng:

ST T	Khách hàng	Số dư (triệu đồng)		
		31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
<b>I</b>	<b>Nhóm Khách hàng có số dư từ 10% trở lên tổng công nợ phải thu</b>	<b>163.271</b>	<b>429.404</b>	<b>243.981</b>



ST T	Khách hàng	Số dư (triệu đồng)		
		31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1	Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	143.779	129.603	55.575
2	Công ty cổ phần Thương mại, Dịch vụ, Du lịch	-	64.030	19.561
3	Công ty cổ phần TCB Mbland	-	63.602	74.484
4	Công ty TNHH MTV Lê Đông	-	44.936	9.436
6	Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Xuân Thủy	19.492	43.832	23.584
7	Công ty cổ phần IGG Hạ Long	-	42.686	37.722
8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Country	-	40.715	23.619
<b>II</b>	<b>Khách hàng khác</b>	<b>241.224</b>	<b>261.931</b>	<b>201.113</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>404.495</b>	<b>691.335</b>	<b>445.094</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của Công ty

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	30/12/2020	31/03/2021
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>716.447</b>	<b>1.105.847</b>	<b>994.413</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	309.570	394.455	312.701
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31.998	49.391	51.240
3	Thuế và các khoản phải nộp	9.227	14.535	14.866
4	Phải trả người lao động	549	-	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	12	12
6	Phải trả ngắn hạn khác	4.221	31.506	49.296
7	Vay nợ thuê tài chính	360.882	615.950	566.298
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>368.897</b>	<b>311.174</b>	<b>347.766</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	160.492	105.333	104.031
2	Phải trả dài hạn khác	410	410	410
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	207.995	205.431	243.325
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.085.344</b>	<b>1.417.021</b>	<b>1.342.179</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của Công ty.

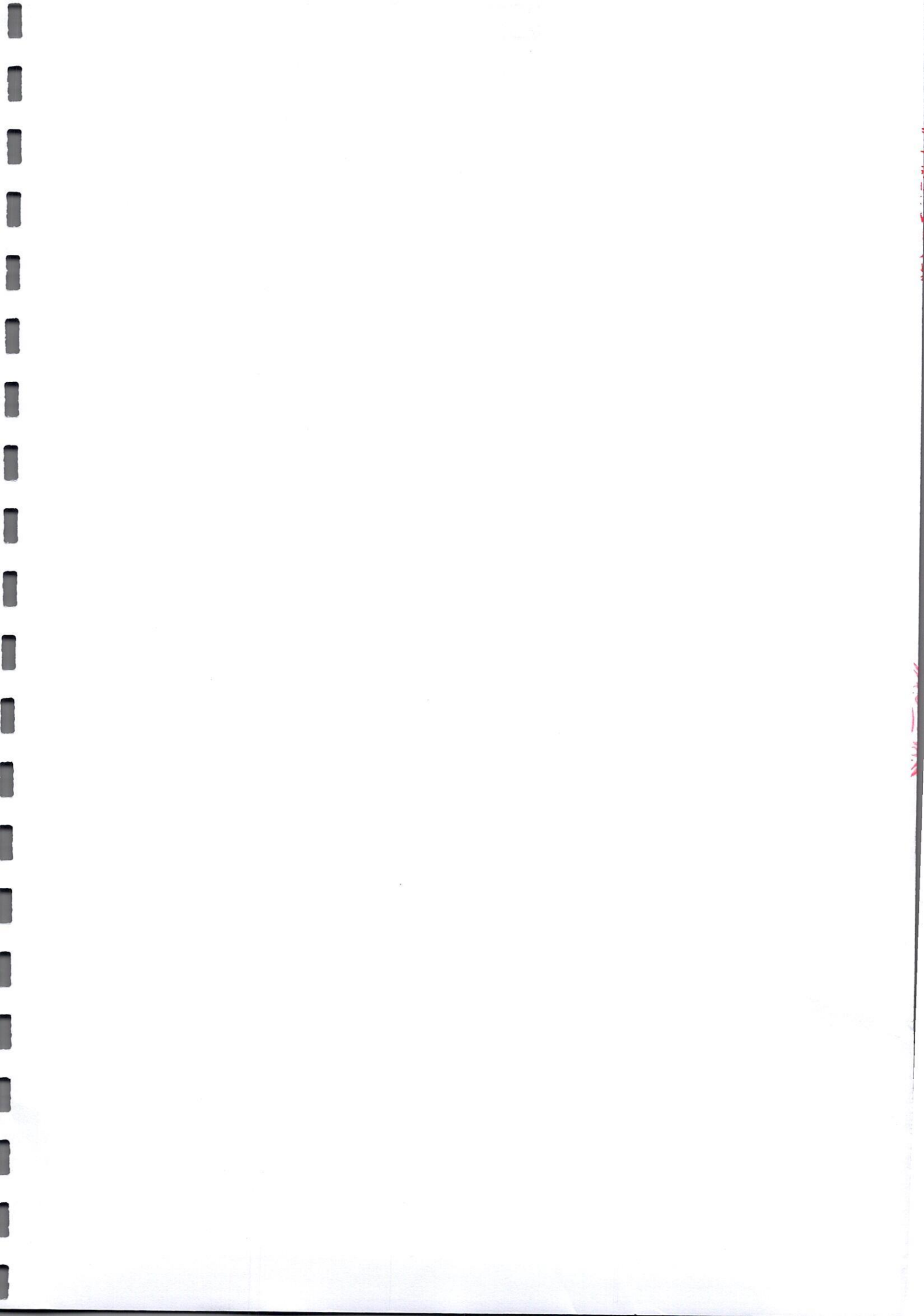
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

STT	Khách hàng	Số dư (triệu đồng)		
		31/12/2019	30/12/2020	31/03/2021
<b>I</b>	<b>Các nhà cung cấp có số dư phải trả từ 10% trở lên tổng công nợ</b>	<b>58.590</b>	<b>124.052</b>	<b>74.458</b>
1	Công ty CP Đầu tư XD và QLDA Việt Nam	36.955	34.766	33.862
2	Công ty TNHH MTV XD nền móng Hồ Gia	7.309	28.883	13.516
3	Công ty CP Thương mại, Dịch vụ, Du lịch	-	26.452	3.892
5	Công ty TNHH MTV Xây dựng nền móng Trung Anh	1.821	19.383	8.329
6	Công ty TNHH TM và XD Thu Ngân	12.505	14.568	14.859
<b>II</b>	<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>250.981</b>	<b>270.402</b>	<b>238.243</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>309.570</b>	<b>394.454</b>	<b>312.701</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của Công ty

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,31	1,08
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,83	0,75
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70,73	75,06
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	241,63	300,90
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,29	2,21





Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nơi thế chấp	Giá trị tài sản (đồng)
	Thanh Trì, Hà Nội			
14	Căn hộ chung cư số 704, nhà chung cư CT8A, khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	01		1.270.550.000
15	Căn hộ chung cư số 708, nhà chung cư CT8A, khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD993095 và số vào sổ CH-00898 cấp ngày 13/10/2011	01		1.666.800.000
16	máy cần trục bánh xích Hitachi màu đỏ, biển kiểm soát 29XA-1438, số khung: 2540288, số động cơ: 6RB1501526	01		6.000.000.000
17	máy cần trục bánh xích Hitachi màu vàng, biển kiểm soát 29XA-1490, số khung: 2540296, số động cơ: 6RB15018342	01		6.000.000.000
18	Máy cần trục bánh xích Kolbeco CKE 2500-2, số khung JD0402441, số động cơ: P11CUN11771	01		14.736.400.000
19	Máy cần trục bánh xích SumitomoLS238RH, số động cơ: 6D22146120, số khung: LS2380060	01		5.300.000.000
20	Máy cầu Hitachi KH500-3, số động cơ: 6RBI-504040, số khung: 254-0216	01		5.400.000.000
21	Máy khoan cọc nhồi Sany	01		5.800.000.000



Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nơi thế chấp	Giá trị tài sản (đồng)
	KH500-3 254-0296			
7	Cầu Hitachi KH500-3 254-0216	01		3.961.696.777
8	Máy cầu bánh xích Sumitomo LS 238	01		4.121.900.826
9	Lô vật tư thiết bị dây chuyền PRD cho Tàu Khoan theo Hợp đồng mua bán số 635.2018.HPDQ-DUAFAT ký ngày 01/10/2018 giữa Công ty cổ phần nền móng Đua Fat và Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	01		47.545.519.458
10	Lô vật tư CCDC thuộc Tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khi nén - PRD( Số 1)	01		6.465.834.716
11	Lô vật tư CCDC thuộc Tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khí nén - PRD (Số 2)			14.656.290.506
12	Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ 02 (khu đô thị), địa chỉ tại ô số 15, liên kè 10, khu đô thị Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 628607	01	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	10.005.240.000
13	Quyền tài sản căn hộ cao cấp thuộc Khu căn hộ Tecco Skyville Tower thuộc xã Ngũ Hiệp và Tứ Hiệp, huyện	19		22.310.050.000



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,55	0,52
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	2,36	2,62
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,96	5,05
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	1,30	1,36
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,65	2,80

Nguồn: Tính theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2019, 2020 của Công ty

➤ **Giá trị tài sản cố định tại 31/12/2020**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>563.372</b>	<b>377.568</b>	<b>67,02</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	43.579	40.823	93,68
2	Máy móc, thiết bị	486.865	326.487	67,06
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	17.879	8.593	48,06
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.661	842	50,69
5	TSCĐ khác	13.406	824	6,15
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>128.121</b>	<b>111.632</b>	<b>87,13</b>
<b>III</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>11.300</b>	<b>8.384</b>	<b>74,19</b>
1	Quyền sử dụng đất	2.916	2.916	100,00
2	Phần mềm vi tính	8.384	5.468	65,22
<b>@</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>741.741</b>	<b>561.269</b>	<b>75,67</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 của Công ty

➤ **Giá trị tài sản cố định tại 31/03/2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>584.148</b>	<b>387.677</b>	<b>66,37</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	43.579	40.387	92,68
2	Máy móc, thiết bị	499.435	328.044	65,68
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.066	17.819	68,36
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.661	754	45,39
5	TSCĐ khác	13.406	674	5,03
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>128.121</b>	<b>116.706</b>	<b>91,09</b>
<b>III</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>11.300</b>	<b>7.827</b>	<b>69,27</b>
1	Quyền sử dụng đất	2.916	2.916	100,00
2	Phần mềm vi tính	8.384	4.911	58,58
<b>@</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>723.569</b>	<b>512.210</b>	<b>70,79</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2021 của Công ty

➤ **Danh sách các tài sản đang thế chấp cho các khoản vay tại 31/12/2020**

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nơi thế chấp	Giá trị tài sản (đồng)
1	Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đợt phát hành ngày 24/09/2019. Mã trái phiếu AGRIBANK192601	01	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ	10.000.000.000
2	Trạm trộn bê tông năng suất 80m3/h	02		5.646.000.000
3	Máy bơm bê tông	02		2.000.000.000
4	Máy KH850-3 Hitachi	01		2.278.638.575
5	Máy cầu Sungwon CK2500	01		7.347.059.220
6	Cần trục bánh xích Hitachi	01		4.660.199.841



Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nơi thế chấp	Giá trị tài sản (đồng)
	RSI50C			
22	Máy cán cầu trục bánh xích Hitachi KH850-3	01		8.370.000.000
23	Tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập nền - PRD	02		27.841.135.636
24	Máy khoan cọc nhồi	09		176.361.560.150
25	Máy cầu thủy lực bánh xích hiệu Hitachi, model KH250D	01		4.600.000.000
26	Máy cầu thủy lực bánh xích Hitachi model CX550	01		3.400.000.000
27	Máy khoan cọc nhồi thủy lực ED550 hiệu Nippon Sharyo	01		6.864.000.000
28	Máy cầu thủy lực hiệu Nissha DH500-5	01		3.000.000.000
29	Phao búa đóng cọc	01		18.350.348.785
30	Sàn tự nâng Jack Up Barge, xuất xứ Hàn Quốc, hoàn cải năm 2011 theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ký ngày 02/05/2019 giữa Công ty cổ phần nền móng Đua Fat và Công ty cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An	01		43.890.000.000
31	01 phao búa đóng cọc (Bao gồm Xà lan và các thiết bị trên Boong) TKT762, Sổ đăng kiểm: V3301181	01	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	18.331.338.300
32	Tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khí nén PRD	02		36.406.000.000
33	Máy cán cầu trục bánh xích	01		14.736.400.000



Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nơi thế chấp	Giá trị tài sản (đồng)
	Kobelco			
34	Máy móc thiết bị phụ trợ theo Hợp đồng mua bán số 635.2018.HDDQ-Duafat ngày 01/10/2018 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	01		101.796.670.008
35	Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2 có địa chỉ tại LK10-VT30, khu nhà ở Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448482, số vào sổ cấp GCN: CT-DA01443 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/07/2018	01		9.862.300.000
36	Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT, 02/ĐFHT, 03/ĐFHT, 04/ĐFHT giữa Công ty và Công ty Cổ phần xây dựng Hitechcons Việt Nam ký ngày 20/09/2016	04		77.000.000.000
37	Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Đăng Kiên ký ngày 20/09/2016	01		27.200.000,00



Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nơi thế chấp	Giá trị tài sản (đồng)
38	Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT, 02/ĐFHT, 03/ĐFHT, 04/ĐFHT giữa Công ty và Công ty TNHH Một thành viên Lê Đông ký ngày 15/09/2016	04		76.300.000.000
39	Máy khoan cọc nhồi	09		197.450.000.000
40	Quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với thửa đất tại tờ bản đồ có địa chỉ ở Điểm CNTT CN xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395859, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00455 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 27/07/2007	01		7.020.096.000
41	Xe ô tô nhãn hiệu FORD EXPLORER biển kiểm soát: 30E-903.67	01	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long	2.739.000.000
42	Xe ô tô con, nhãn hiệu LAND ROVER, số loại SV Autobiography, biển kiểm soát 30E-699.68	01	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi	8.500.000.000



Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nơi thế chấp	Giá trị tài sản (đồng)
43	Xe ô tô con, 7 chỗ ngồi nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: LANCRUISER PRADO TX-L, màu Đen, đã qua sử dụng biển kiểm soát 30F-420.89, số khung 3FJ805100285, số máy 18110102TR	01	nhánh Láng Hạ	2.100.000.000
44	Xe Mercedes-Benz, số loại G63 màu đen, biển kiểm soát 30F - 473.12	01		7.300.000.000
45	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 268977, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 0074 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2019	01		19.119.382.000
46	Xe Ford Ranger, biển kiểm soát 29C-733.74	01		675.000.000
47	máy khoan cọc nhồi nhãn hiệu Bauer BG42	01		22.423.000.000
48	xe FORDRANGERXLT, biển kiểm soát 29C-767.83	01	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	1.100.000.000
49	Xe FORDRANGERWILDTRAK, biển kiểm soát 29C-767.62	01		1.100.000.000
50	Máy khoan cọc nhồi nhãn hiệu SUNWARD SWDM25	06		72.360.000.000
51	Xe Toyota Fortuner, biển kiểm	01		1.149.000.000



Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nơi thế chấp	Giá trị tài sản (đồng)
	soát 30E-877.60			
52	Xe Ford, biển kiểm soát 29C-744.17 và 29C-743.89	02		1.350.000.000
53	Xe Vinfast Lux SA 2.0	02		2.581.400.000
@	<b>Tổng cộng</b>			<b>149.516.878.000</b>

Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat

➤ Tài sản dở dang dài hạn

➤ Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.510	59.847	77.720
@	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.510</b>	<b>59.847</b>	<b>77.720</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và BCTC HN Quý I/2021 của Công ty

➤ Diện tích đất đai Công ty đang quản lý

T	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng
1	Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ 02 (khu đô thị), địa chỉ tại ô số 15, liền kề 10, khu đô thị Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 628607	124,7	Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng lâu dài.
2	Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2 có địa chỉ tại LK10-VT30, khu nhà ở Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448482, số vào sổ cấp GCN: CT-DA01443 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/07/2018	124,7	Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng lâu dài.





T T	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng
3	Quyền tài sản căn hộ cao cấp thuộc Khu căn hộ Tecco Skyville Tower thuộc xã Ngũ Hiệp và Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	210,8	Sở hữu của Công ty. Hiện tại Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cho tài sản này.

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

## 11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

### 12.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2020

Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021
	Thực hiện	Kế hoạch	+/- % so với năm 2020
Doanh thu thuần	887.155	2.267.000	155,54%
Lợi nhuận sau thuế	23.221	32.000	37,81%
Tỷ lệ LNST/DTT (%)	2,62%	1,41%	-
Tỷ lệ LNST/VCSH (%)	5,05%	6,71%	-
Tỷ lệ cổ tức	-	5%	-

Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat

### 12.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

#### ❖ Tình hình triển khai các dự án và doanh thu trong năm 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên dự án / công trình	Doanh thu dự kiến năm 2021	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Ghi chú
I	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2020						
A	Các dự án nền móng, cầu cảng						
1	Mipec Xuân Thủy (Hợp đồng thi công đào đất khu TTTM)	10		10			



STT	Tên dự án / công trình	Doanh thu dự kiến năm 2021	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Ghi chú
2	Bến Tàu Lai	13	2	8	3		
3	Lotte Mall – Hà Nội	9	9				
4	Khách sạn Hạ Long – HYATT	3	3				
5	Dragon – Handong (Tường vây)	14	14				
6	Xi măng Công Thanh	4	4				
7	KS M Gaden Đà Nẵng (CKN)	5	5				
8	Phan Thiết – Dầu Giây : 13 cầu	23	8	15			
9	Khách sạn SOJO – Lạng Sơn	3	3				
10	Cầu Cửa Lục 3	10	10				
11	Cảng Cà Ná	312	73	239			
<b>Tổng A</b>		<b>406</b>	<b>131</b>	<b>272</b>	<b>3</b>		
<b>B</b>	<b>Các dự án điện gió</b>						
1	Điện gió Tân Linh	30	18	12			
2	Điện gió Hương Tân	23	5	18			
<b>Tổng B</b>		<b>53</b>	<b>23</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>Tổng I</b>		<b>459</b>	<b>154</b>	<b>302</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>Các công trình mới năm 2021</b>						
<b>A</b>	<b>Các dự án nền móng, cầu cảng</b>						
1	CKN trụ phòng va & móng nhà bao che – Bến Tàu Lai	48		42	6		
2	LDG Bình Nguyên (Đại trà)	87		40	47		
3	Cầu Vân Tiên	58	17	41			
4	Khách sạn Hilton Vũng Tàu	59		40	19		
5	Monbay – Hạ Long	100		40	40	20	
6	Marina Hạ Long	400		100	150	150	



STT	Tên dự án / công trình	Doanh thu dự kiến năm 2021	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Ghi chú
7	Cầu Rào – Hoàng Huy	5		5			
8	Cảng HP + nhà máy	400		150	150	100	
9	Cao Xanh (MB Land – Tường Secant pile)	15	15				
10	Chung cư Linh Đàm	14	5	9			
11	Ecopard Hải Dương	22	5	17			
12	Tiến Bộ Plaza	79		79			
13	Cầu Kiss	239		70	100	69	
<b>Tổng A</b>		<b>1.526</b>	<b>42</b>	<b>633</b>	<b>512</b>	<b>339</b>	
<b>B</b>	<b>Các dự án điện gió</b>						
1	Điện gió EANAM	39	20	19			
2	Điện gió Đắc Lắc 2 (Trung Nam)	30			30		
3	Điện gió Gia Lai 1 (Trung Nam)	30			30		
4	Điện gió Gia Lai 2 (Trung Nam)	30			30		
<b>Tổng B</b>		<b>129</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	
<b>Tổng II</b>		<b>1.655</b>	<b>62</b>	<b>652</b>	<b>602</b>	<b>339</b>	
<b>III</b>	<b>Các công trình khác</b>						
1	Các dự án khác	153			53	100	
<b>Tổng III</b>		<b>153</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>53</b>	<b>100</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.267</b>	<b>216</b>	<b>954</b>	<b>658</b>	<b>439</b>	

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra, Công ty cũng cần áp dụng các biện pháp:

- Đồng bộ hóa năng lực thiết bị các dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng công trình, xây dựng uy tín trên thị trường;
- Luôn tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng mức cao nhất;
- Trở thành một đơn vị được tin cậy trong lĩnh vực thi công hạ tầng;
- Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến phát triển bền vững;

- Nâng cao năng lực quản lý, thi công tại các công trường, nâng cao năng suất, tiến độ, chất lượng, giảm chi phí, tăng lợi nhuận;
- Tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa tiến độ.,
- Đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình.
- Đầu tư về con người, tổ chức, cho cán bộ chủ chốt theo học các lớp nâng cao nghiệp vụ, bổ sung cán bộ kỹ thuật cho các công trường.

## 12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn: Không có

Các cam kết bảo lãnh: Không có

Các cam kết vay, cho vay: Không có

## 13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Dù đại dịch Covid-19 đã làm chậm nhịp tăng trưởng trên toàn thế giới, khi nó qua đi, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ nhanh chóng khôi phục và phát triển. Đặc biệt là làn sóng đầu tư và nói lỏng tiền tệ tại nhiều quốc gia nhằm thúc đẩy hơn nữa phát triển hạ tầng kinh tế.

Về đầu tư công, sau nhiều năm chậm giải ngân, năm 2020 kỳ vọng sẽ thực hiện giải ngân quyết liệt hơn, những rào cản về pháp lý, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng sẽ được tháo gỡ để khơi thông dòng vốn ngân sách và trái phiếu chính phủ, đây sẽ là động lực cho các nhóm ngành trên thị trường như xây dựng và vật liệu xây dựng.

Đồng thời với đó là xu hướng các nguồn đầu tư FDI được dự báo sẽ đổ bộ vào Việt Nam sau những biểu hiện tích cực của cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 ở nước ta. Không chỉ thúc đẩy các hiệp định thương mại (FTA) song phương với các nước, các FTA với các nhóm nước phát triển cũng trong quá trình thực thi. Điển hình, Hiệp định thương mại Việt Nam – EU (EVFTA) đang trong quá trình hoàn thiện và đưa vào áp dụng sẽ đem lại cho nước ta một nguồn đầu tư đáng kể từ châu Âu. Hay trong thời gian gần đây, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng tới các quốc gia có chỉ số an toàn cao về đầu tư như Việt Nam được bàn nhiều tại các diễn đàn kinh tế. “Bộ tứ kim cương” QUAD gồm Mỹ, Australia, Nhật Bản và Ấn Độ mới đây đã mời Việt Nam, New Zealand và Hàn Quốc tham dự diễn đàn để bàn về tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nếu cơ hội đến, việc mở rộng các hệ thống đón nguồn đầu tư FDI, phát triển cảng biển nước sâu, hạ tầng phục vụ giao thương trao đổi kinh tế với thế giới sẽ cần được thúc đẩy mạnh mẽ. Lúc này, Nhu cầu về nền móng địa chất cả mặt nước lẫn trên bờ là thách thức đối với các nhà thầu xây dựng ở Việt Nam. Điều này đòi hỏi khả năng đẩy nhanh năng lực công nghệ, máy móc phương tiện và nhân lực từ các nhà thầu xây dựng, trong đó có nhà thầu xây dựng nền móng. Đầu tư cho ngành nền móng xây dựng giai đoạn này chính là sự đón đầu bền vững cho toàn bộ nền kinh tế của chúng ta.

Đua Fat hiện là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành xây dựng nền

móng ở Việt Nam. Duafat có trong tay hệ thống máy móc, thiết bị nền móng hiện đại bậc nhất thế giới. Ngoài ra, củng cố cho vị thế đó là môi trường doanh nghiệp 4.0 cho phép sự phát huy tối đa khả năng của mỗi cá nhân, tính sáng tạo cao để thích ứng với sự biến động của nền kinh tế. Chính vì thế, trong 11 năm hình thành và phát triển, Đua Fat đã đi từ một công ty xây dựng nhỏ trở thành một doanh nghiệp uy tín trong ngành xây dựng. Lựa chọn Đua Fat để gửi gắm và đầu tư cũng chính là lựa chọn đầu tư thông minh cho ngành nền móng Việt Nam nói riêng, góp phần quan trọng cốt lõi thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam nói chung.

#### 14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

### III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ tên	Chức vụ
<b><u>Hội đồng quản trị</u></b>		
1	Lê Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, không điều hành
2	Nguyễn Cảnh Trung	Thành viên HĐQT, không điều hành
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT, không điều hành
<b><u>Ban kiểm soát</u></b>		
1	Trần Minh Đức	Trưởng BKS
2	Ngô Thị Dung	Thành viên BKS
3	Trần Trung Hải	Thành viên BKS
<b><u>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</u></b>		
1	Đàm Văn Lý	Tổng Giám đốc
2	Đỗ Quốc Phương	Phó Tổng giám đốc
3	Đinh Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc
4	Đào Văn Đạt	Phó Tổng giám đốc
5	Nguyễn Thị Thủy	Kế toán trưởng

#### 1. Hội đồng quản trị

##### 1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị



Họ và tên: **Lê Duy Hưng**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 15/03/1979  
Số CMND/  
CCCD/Hộ chiếu: 040079000203 do Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/03/2019  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Nơi sinh: Nghệ An  
Địa chỉ thường trú: Số 704, CT8A, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, Tổ 5, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khoan thăm dò – khảo sát

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
2002 - 2009	Đội Trưởng thi công tại CTCP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20
2009 - nay	Chủ tịch Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty: 24.800.000 cổ phiếu, chiếm 62% vốn điều lệ của Công ty  
Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: 6.390.600 cổ phiếu, chiếm 15,98% vốn điều lệ của Công ty

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Lê Văn Thịnh	Em ruột	186488593	375.600	0,939
2	Nguyễn Cảnh Trung	Anh rể	182209702	6.000.000	15
3	Nguyễn Hồng Sơn	Anh rể	182002768	10.000	0,025
4	Hồ Trọng Đông	Em rể	182158508	5.000	0,013



Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 1.2. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Nguyễn Cảnh Trung**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 15/07/1965

Số CMND/ 182209702 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/02/2013

CCCD/Hộ chiếu:

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Xã Thanh Phong, Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Thị trấn Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Không

### Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2021 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty: 6.000.000 cổ phiếu, chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: 5.123.100 cổ phiếu, chiếm 12,81% vốn điều lệ của Công ty

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
-----	-----------	-------------	---------	-------------------	-----------



1	Nguyễn Thị Thùy Linh	Con gái	187347157	5.123.100	12,81
2	Lê Duy Hưng	Em rể	040079000203	24.800.000	62

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 1.3. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thùy Linh**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 15/10/1993

Số CMND/ 187347157 do Công an Nghệ An cấp ngày 14/01/2011

CCCD/Hộ chiếu:

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Khối 1, Thị trấn Thanh Chương, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân kế toán

#### Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2015 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại 5.123.100 cổ phiếu, chiếm 12,81% vốn điều lệ





Công ty: \_\_\_\_\_ của Công ty

Sở hữu chứng khoán của người có liên quan 6.000.000 cổ phiếu, chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Cảnh Trung	Bố đẻ	182209702	6.000.000	15

Hành vi vi phạm pháp luật: \_\_\_\_\_ Không

Các khoản nợ đối với Công ty: \_\_\_\_\_ Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: \_\_\_\_\_ Không

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Trưởng Ban kiểm soát – Ông Trần Minh Đức

Họ và tên: **Trần Minh Đức**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 31/12/1993

Số CMND/  
CCCD/Hộ chiếu: 034093001397 cấp ngày 18/03/2015 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Thụy Hưng – Thái Thụy – Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân kiểm toán

### Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2015-2018	Làm việc tại Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam



2018 - 2020                      Làm việc tại Công ty TNHH kiểm toán KDG Việt Nam

20/04/2020 - nay                Làm Trưởng ban kiểm soát tại Công ty cổ phần tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty :                      Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty:            0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu chứng khoán của người có liên quan            0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật:                                      Không

Các khoản nợ đối với Công ty:                                   Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:                            Không

## 2.2. Kiểm soát viên Ngô Thị Dung

Họ và tên:                                      **Ngô Thị Dung**

Giới tính:                                        Nữ

Ngày sinh:                                      06/11/1989

Số CMND/  
CCCD/Hộ chiếu:                                036189000583 cấp ngày 06/10/2015 tại Cục CSĐKQL cư trú và DLQD về dân cư

Quốc tịch:                                        Việt Nam

Dân tộc:                                         Kinh

Nơi sinh:                                         Hà Nội

Địa chỉ thường trú:                            Tổ 11, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn:                      Kỹ Sư kinh tế xây dựng

**Quá trình công tác:**



**Thời gian**

**Quá trình công tác**

2013 - 2015

Nhân viên Công ty Cổ phần Trường Thịnh Phát

2015 - nay

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kiểm soát viên

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,025% vốn điều lệ của Công ty

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Quang Hòa	Chồng	036088000633	10.000	0,025

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**2.3. Kiểm soát viên Trần Trung Hải**

Họ và tên: **Trần Trung Hải**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/04/1988

Số CMND/  
CCCD/Hộ chiếu: 040088000325 cấp ngày 01/12/2018 tại cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: PB2908, CT2 - Trung tâm hành chính mới, Hà cầu, Hà đông,



Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư xây dựng dân dụng công nghiệp

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
2001 – 2012	Làm việc tại Công ty CP đầu tư và phát triển Sico
2012 – 2016	Làm việc tại Công ty CP công trình 798
2016 - nay	Kiểm soát viên tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kiểm soát viên

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty: 7.000 cổ phiếu, chiếm 0,018% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: 3.000 cổ phiếu, chiếm 0,0075% vốn điều lệ của Công ty

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Vợ	040189000811	2.000	0,005
2	Lê Thị Bảy	Mẹ	180704540	1.000	0,0025

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**3. Ban Tổng Giám đốc**

**3.1. Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đàm Văn Lý**

Giới tính: Nam



Ngày sinh: 27/02/1981  
Số CMND/ 012034319 cấp ngày 18/07/2013 tại Công an Hà Nội  
CCCD/Hộ chiếu:  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Nơi sinh: Hà Nội  
Địa chỉ thường trú: Xóm 8, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Khoan khai thác dầu khí

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
2005 - 2014	Làm việc tại Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO
2014 - 2019	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat
2019 – nay	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng Giám đốc  
Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty: 200.000 cổ phiếu, chiếm 0,5% vốn điều lệ của Công ty  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Sở hữu của người liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Hoa	Vợ	001186021367	100.000	0,25%

**3.2. Phó Tổng Giám đốc**



Họ và tên: **Đỗ Quốc Phương**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 14/11/1976  
Số CMND/  
CCCD/Hộ chiếu: 001076005616 cấp ngày 03/06/2015 tại Cục cảnh sát QLKĐ cư trú và DLQG về dân cư  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Nơi sinh: Hà Nội  
Địa chỉ thường trú: Số 4 ngõ 66 Hoàng Ngân, Tổ 3 Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
1999 – 2004	Làm việc tại Tổng công ty XD và PT Hạ tầng ( LICOGI)
2004-2012	Làm việc tại Công ty Tư vấn LICOGI
2012 – 2013	Làm việc tại công ty kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20
2012-2017	Làm việc tại Chi nhánh vật liệu XD Licogi tại Nghi Sơn
2017-Nay	Làm việc tại công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc  
Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty: 70.000 cổ phiếu, chiếm 0,175% vốn điều lệ của Công ty  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không



Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Sở hữu của người liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Thanh Hải	Vợ	011884051	30.000	0,075

### 3.3. Phó Tổng Giám đốc – Ông Đinh Tiến Dũng

Họ và tên: Đinh Tiến Dũng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 14/10/1981

Số CMND/  
CCCD/Hộ chiếu: 024081000635 cấp ngày 27/11/2019 tại Cục quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thạch Đạn, Cao Lộc, Lạng Sơn

Địa chỉ thường trú: Phòng 416, nhà 2B, KĐT Hưng Thịnh, Kiến Hưng, Hà Đông, HN

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư mỏ địa chất

#### Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2003-2009	Làm việc tại Công ty kỹ thuật nền móng và xây dựng 20
2009-2015	Làm việc tại Công ty cổ phần nền móng Đua Fat
2015-2020	Làm việc tại Công ty cổ phần mindipile
2021-nay	Làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đua Fat



Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0 vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu của người liên quan:

Không có

### 3.4. Phó Tổng Giám đốc – Ông Đào Văn Đạt

Họ và tên: **Đào Văn Đạt**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/08/1979

Số CMND/ 111474083 cấp ngày 04/04/2012 tại Công an Hà Nội

CCCD/Hộ chiếu:

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Xóm 4, Thôn Đại Định, Xã Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư xây dựng cầu đường

### Quá trình công tác:

---

Thời gian	Quá trình công tác
2002 - 2004	Làm việc tại Công ty TNHH Toneco tại Hà Nội
2004 - 2010	Làm việc tại Công ty Cổ phần Xây dựng Nền móng Long Giang
2010 - 2012	Làm việc tại Công ty Cổ phần Him Lam
2012 - 2015	Làm việc tại Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Việt Nhật

---





2015 - nay

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Sở hữu của người liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Vân	Vợ	112204938	10.000	0,025

### 3.5. Kế toán trưởng

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thủy**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 04/12/1982

Số CMND/ CCCD/Hộ chiếu: 151415129 cấp ngày 15/12/2018 tại Công an Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Quỳnh Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán



**Quá trình công tác:**

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
2004 - 2009	Làm việc tại CTCP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20
2009 - nay	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Công ty: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0,075% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Sở hữu của người liên quan:

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số CMND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Nguyễn Thanh Quân	Chồng	030083007801	20.000	0,05%

**4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty**

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty đã xây dựng quy chế quản trị công ty theo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;

**5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
1	Lê Duy Hưng		Chủ tịch HĐQT	040079000203 do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/03/2019	BT1-A36, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	24.800.000	62%	
Người có liên quan của ông Lê Duy Hưng								
1.1	Lê Xuân Duệ		Không	182209701 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/08/2013	Khối 5, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0		Bố đẻ
1.2	Trần Thị Xuân		Không	186666317 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 06/12/2012	Khối 5, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0		Mẹ đẻ
1.3	Đặng Thị Nhân		Không		Số 59, Tô Hiến Thành, Tổ 1, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	0		Mẹ vợ
1.4	Trần Thị Hồng Nhung		Không	001181011626 do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/02/2016	BT1-A36, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.	0		Vợ
1.5	Lê Duy Anh		Không		BT1-A36, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.	0		Con đẻ
1.6	Lê Duy Dũng		Không		BT1-A36, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0		Con đẻ
1.7	Lê Thanh Hải		Không	182158306 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/05/2013	Khối 3, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0		Chị ruột
1.8	Lê Thị Thu Hằng		Không	182263600 Do CA Nghệ An cấp ngày	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ	0		Chị ruột



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
				24/03/2020	An			
1.9	Lê Thị Ngọc Tiên		Không	182432474 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 06/08/2014	Khối 5, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0		Em ruột
1.10	Lê Văn Thịnh		Không	186488593 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/06/2017	LK10, VT13, KĐT Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	375.600	0,939%	Em ruột
1.11	Nguyễn Cảnh Trung		Thành viên HĐQT	182209702 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/02/2013	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	6.000.000	15%	Anh rể
1.11	Nguyễn Hồng Sơn		Không	182002768 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/10/2009	Khối 3, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	10.000	0,025%	Anh rể
1.12	Hồ Trọng Đông		Không	182158508 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 26/02/2013	Khối 5, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	5.000	0,013%	Em rể
1.13	Nguyễn Thu Hiền		Không	040187002389 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 03/12/2019	LK10, VT13, KĐT Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	-	-	Em dâu
2	Nguyễn Thị Thùy Linh		Thành viên HĐQT	187347157 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/11/2011	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	5.123.100	12,81%	
<b>Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Thùy Linh</b>								
2.1	Nguyễn Cảnh Trung		Thành viên HĐQT	182209702 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/02/2013	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	6.000.000	15%	Bố đẻ



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
2.2	Lê Thị Thu Hằng		Không	182263600 Do CA Nghệ An cấp ngày 24/03/2020	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0		Mẹ đẻ
2.3	Nguyễn Đình Nhân		Không	180003914 Do CA Nghệ An cấp ngày 9/4/2010	Xuân Sơn, Đô Lương, Nghệ An	0		Bố chồng
2.4	Lê Thị Diên		Không	180684429 Do CA Nghệ An cấp ngày 22/8/2018	Xuân Sơn, Đô Lương, Nghệ An	0		Mẹ chồng
2.5	Nguyễn Đình Kiện		Không	186275447 Do CA Nghệ An cấp ngày 25/4/2010	Xuân Sơn, Đô Lương, Nghệ An	0		Chồng
2.6	Nguyễn Thanh Trúc		Không		Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0		Con đẻ
2.7	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		Không		Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0		Em ruột
2.8	Nguyễn Cảnh Anh Dũng		Không		Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0		Em ruột
3	Nguyễn Cảnh Trung		Thành viên HĐQT	182209702 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/02/2013	Thị trấn Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	6.000.00	15%	
Người có liên quan của ông Nguyễn Cảnh Trung								
3.1	Nguyễn Cảnh Chất		Không		Đã mất			Bố đẻ
3.2	Trần Thị Diên		Không		Đã mất			Mẹ đẻ



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND / Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
3.3	Nguyễn Cảnh Nam		Không	Không có CMND	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	0		Anh ruột
3.4	Nguyễn Thị Nhật		Không	180044893 CA Nghệ An cấp ngày 29/7/2010	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	0		Chị ruột
3.5	Nguyễn Thị Nguyệt		Không	181598271 Do CA Nghệ An cấp ngày 14/10/2019	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	0		Chị ruột
3.6	Nguyễn Xuân Kính		Không	18120364 do CA Nghệ An cấp ngày 12/01/2012	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	0		Anh rể
3.7	Nguyễn Thị Lâm		Không	011165791 do CA Hà Nội cấp ngày 18/05/2009	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	0		Chị ruột
3.8	Nguyễn Cảnh Sơn		Không	272329268 do CA Đồng Nai cấp ngày 25/02/2009	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	0		Anh ruột
3.9	Nguyễn Thị Hoa		Không	013189263 do CA Hà Nội cấp ngày 15/05/2009	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	0		Em ruột
3.10	Nguyễn Hữu Tiến		Không	013198262 do CA Hà Nội cấp ngày 15/05/2009	Tổ 20, Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	0		Em rể
3.11	Lê Thị Thu Hằng		Không	182263600 do CA Nghệ An cấp ngày 24/03/2020	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, Thanh Chương, Nghệ An	0		Vợ
3.12	Nguyễn Thị Thùy Linh		Thành viên HĐQT	187347157 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/11/2011	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	5.123.100	12,81%	Con ruột
3.13	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		Không	Còn nhỏ	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh	0	0	Con ruột



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
					Chương, tỉnh Nghệ An			
3.14	Nguyễn Cảnh Dũng		Không	Còn nhỏ	Khối 4, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0	0	Con ruột
3.15	Lê Xuân Duệ		Không	182209701 do CA Nghệ An cấp ngày 08/08/2013	Khối 5, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0	0	Bố vợ
3.16	Trần Thị Xuân		Không	186666317 do CA Nghệ An cấp ngày 06/12/2012	Khối 5, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	0	0	Mẹ vợ
3.17	Nguyễn Đình Kiên		Không	186275447 do CA Nghệ An cấp ngày 25/4/2010	Xuân Sơn, Đô Lương, Nghệ An	0	0	Con rể
3.18	Hồ Xuân Hoàn		Không	182065824 do CA Nghệ An cấp ngày 09/04/2008	Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	0	0	Anh rể
3.19	Lê Duy Hưng		Chủ tịch HĐQT	040079000203 do Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/03/2019	Số 704, CT8A, Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, Tổ 5, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội	24.800.000	62%	Em rể
4	Đàm Văn Lý		Tổng Giám đốc	012034319 do CA thành phố Hà Nội cấp ngày 18/07/2013	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	200.000	0,5%	
Người có liên quan của ông Đàm Văn Lý								
4.1	Đàm Văn Chí		Không	001052007121 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Bố đẻ



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
				Dân Cư cấp ngày 30/10/2018				
4.2	Nguyễn Thị Toan		Không	001156010723 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 31/10/2018	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Mẹ đẻ
4.3	Nguyễn Thạc Thuật		Không	011760734 do CA thành phố Hà Nội cấp ngày 23/06/2011	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Bố vợ
4.4	Nguyễn Thị Hồng		Không	010660933 do CA thành phố Hà Nội cấp ngày 23/06/2011	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Mẹ vợ
4.5	Nguyễn Thị Hoa		Không	001186021367 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 26/04/2018	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	100.000	0,25%	Vợ
4.6	Đàm Quỳnh Anh		Không		Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Con ruột
4.7	Đàm Khánh Lâm		Không		Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Con ruột
4.8	Đàm Bảo An		Không		Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Con ruột
4.9	Đàm Thị Tâm		Không	001177015546 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 20/10/2017	25, Phan Huy Chú, Phường 10, Quận 5, TP HCM	0		Chị ruột





STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
4.10	Đàm Thị Tinh		Không	001179007183 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 31/08/2015	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Chị ruột
4.11	Đàm Văn Việt		Không	001083029753 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 23/01/2019	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Em ruột
4.12	Phùng Thành Vĩnh		Không	023092684 do CA TP HCM cấp ngày 28/10/2011	25, Phan Huy Chú, Phường 10, Quận 5, TP HCM	0		Anh rể
4.13	Nguyễn Thị Hằng		Không	001187024200 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 23/01/2019	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	0		Em dâu
5	Đình Tiến Dũng		Phó TGĐ	024081000635 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 27/11/2019	P416, tòa 2B, Khu nhà ở Hưng Thịnh, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	0		
<b>Người có liên quan của ông Đình Tiến Dũng</b>								
5.1	Lã Thị Chiến		Không	082105712 do CA tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 23/03/2007	Số 8, Hoàng Thanh, Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	0		Mẹ đẻ
5.2	Nguyễn Đình Lương		Không	080691505 do CA tỉnh Lạng Sơn cấp ngày	Số 22, Ngõ 1, Ngõ Thị Nhậm, phường Tam Thanh, TP. Lạng	0		Bố vợ



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
				11/07/2014	Sơn, Lạng Sơn			
5.3	Mông Tuyết Mai		Không	081056263 do CA tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30/01/2007	Số 22, Ngõ 1, Ngõ Thị Nhậm, phường Tam Thanh, TP. Lạng Sơn, Lạng Sơn	0		Mẹ vợ
5.4	Nguyễn Thị Nha		Không	020181000199 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 27/11/2019	P416, tòa 2B, Khu nhà ở Hưng Thịnh, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	0		Vợ
5.5	Đình Nam Phong		Không		P416, tòa 2B, Khu nhà ở Hưng Thịnh, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	0		Con đẻ
5.6	Đình Hùng Nam		Không		P416, tòa 2B, Khu nhà ở Hưng Thịnh, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	0		Con đẻ
5.7	Đình Thị Thu Hường		Không	080961332 do CA tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 29/10/2015	Số 92, Lê Lai, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	0		Chị gái
5.8	Đình Trường Giang		Không	080963717 do CA tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10/12/2009	Số 8, Hoàng Thanh, Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	0		Anh ruột
5.9	Lương Ngọc Lân		Không	080976646 do CA tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/07/2015	Số 92, Lê Lai, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	0		Anh rể
5.10	Đoàn Thị Phấn		Không	081057178 do CA tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 27/03/2019	Số 8, Hoàng Thanh, Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	0		Chị dâu
6	Đào Văn Đạt		Phó TGD	111474083 do CA thành phố Hà Nội cấp ngày	Phòng 33-06-V3 Chung cư Văn Phú Victoria, Phú La, Hà	20.000	0,05%	



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
				04/04/2012	Đông, Hà Nội			
Người có liên quan của ông Đào Văn Đạt								
6.1	Đào Văn Lâm		Không	001050003226	Xã Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	0		Bố đẻ
6.2	Phạm Thị Chiên		Không	001152004152	Xã Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	0		Mẹ đẻ
6.3	Dương Thị Ánh		Không	001162013049	Xã Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	0		Mẹ vợ
6.4	Lê Thị Vân		Không	112204938 do CA thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2011	Phòng 33-06-V3 Chung cư Văn Phú Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	10.000	0,025%	Vợ
6.5	Đào Duy Hưng		Không		Phòng 33-06-V3 Chung cư Văn Phú Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	0		Con đẻ
6.6	Đào Minh Châu		Không		Phòng 33-06-V3 Chung cư Văn Phú Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	0		Con đẻ
6.7	Đào Văn Đoàn		Không		Liên Triều, Đà Nẵng	0		Anh ruột
6.8	Đào Thị Đặng		Không	001177003972	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	0		Chị ruột
6.9	Đào Văn Đại		Không	001081001968	Xã Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	0		Em ruột
6.10	Đặng Văn Quyết		Không	001075014599	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	0		Anh rể
6.11	Vũ Thị Thúy Quỳnh		Không	001193019576	Xã Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	0		Chị dâu
6.12	Nguyễn Thị Hồng		Không	001181011313	Xã Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	0		Em dâu



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
7	Đỗ Quốc Phương		Phó TGĐ	001076005616 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 03/06/2015	Nhà số 4, Ngõ 66, Phố Hoàng Ngân, Tổ 3, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	70.000	0,175%	
Người có liên quan của ông Đỗ Quốc Phương								
7.1	Đỗ Quốc Bâm		Không	001052001698 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 11/06/2015	Nhà số 4, Ngõ 66, Phố Hoàng Ngân, Tổ 3, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	0		Bố đẻ
7.2	Đỗ Thị Đúng		Không	001151002460 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 12/05/2016	Thôn Hoàng Trung, Xã Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội.	0		Mẹ đẻ
7.3	Nguyễn Thị Diên		Không	001150007823 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 12/05/2016	Số 29B, Ngõ 262 Khương Đình; Thanh Xuân; TP. Hà Nội	0		Mẹ vợ
7.4	Trần Thị Thanh Hải		Không	011884051 do CA thành phố Hà Nội cấp ngày 02/11/2012	Nhà số 4, Ngõ 66, Phố Hoàng Ngân, Tổ 3, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	30.000	0,075%	Vợ
7.5	Đỗ Quốc Trung		Không		Nhà số 4, Ngõ 66, Phố Hoàng Ngân, Tổ 3, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	0		Con ruột



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
7.6	Đỗ Nam Anh		Không		Nhà số 4, Ngõ 66, Phố Hoàng Ngân, Tổ 3, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	0		Con ruột
7.7	Đỗ Thị Hồng Thủy		Không	111264550 do CA thành phố Hà Nội cấp ngày 03/06/2008	Thôn Mạch Kỳ, Xã Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	0		Chị ruột
7.8	Đỗ Vũ Quý		Không	001081031888 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 17/11/2020	Số 45, tổ 42, TT Nguyễn Viết Xuân, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.	0		Em ruột
7.9	Nguyễn Ngọc Bích		Không	001150007823 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 17/11/2020	Số 9, hẻm 376/35/2 đường Bưởi, Vĩnh Phúc, Ba Đình, TP. Hà Nội	0		Em dâu
8	Nguyễn Thị Thủy		Kế Toán Trưởng	151415129 do CA thành phố Hà Nội cấp ngày 15/12/2018	Xóm Nội, ngõ 1, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	30.000	0,075%	
Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Thủy								
8.1	Nguyễn Viết Chính		Không	034058006815 do cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 16/05/2019	Tân Thái, Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ, Thái Bình	0		Bố ruột
8.2	Trần Thị Thú		Không	034160007778 do cục cảnh sát ĐKQL Cư trú	Tân Thái, Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ,	0		Mẹ ruột



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
				và DLQG về Dân cư cấp ngày 16/05/2019	Thái Bình			
8.3	Nguyễn Đình Lãm		Không	030054003378 do cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 16/05/2019	Khu 6, Phường Tân Bình, TP Hải Dương, Hải Dương	0		Bố chồng
8.4	Nguyễn Thị Thắng		Không	140255842 do CA Hải Dương cấp ngày 16/06/2014	Khu 6, Phường Tân Bình, TP Hải Dương, Hải Dương	0		Mẹ chồng
8.5	Nguyễn Thanh Quân		Không	030083007801 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG về Dân Cư cấp ngày 20/03/2018	Xóm Nội, ngõ 1, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	20.500	0,051%	Chồng
8.6	Nguyễn Phương Linh		Không		Xóm Nội, ngõ 1, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	0		Con ruột
8.7	Nguyễn Tiến Dũng		Không		Xóm Nội, ngõ 1, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	0		Con ruột
8.8	Nguyễn Thị Liên		Không	034188001526 do cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 16/05/2019	3-B4, TT Công ty XD số 1, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội.	0		Em ruột
9	Trần Minh Đức		Trưởng Ban Kiểm soát	034093001397 do CA Thái Thụy cấp 18/03/2015	Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	0		



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
<b>Người có liên quan của ông Trần Minh Đức</b>								
9.1	Trần Văn Sơ		Không	150772328 do CA Thái Thụy cấp ngày 16/06/2011	Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	0		Bố đẻ
9.2	Hoàng Thị Thanh		Không	152151390 do CA Thái Thụy cấp ngày 28/10/2011	Thụy Hưng, Thái Thụy, Thái Bình	0		Mẹ đẻ
9.3	Nguyễn Khắc Văn		Không	151527866 CA Thái Thụy cấp ngày 28/04/2005	Thụy Hưng, Thái Thụy, Thái Bình	0		Bố vợ
9.4	Tổng Thị Nhũ		Không	150966683 CA Thái Thụy cấp ngày 24/08/2007	Thụy Hưng, Thái Thụy, Thái Bình	0		Mẹ vợ
9.5	Nguyễn Thị Nhung		Không	151945132 do CA Thái Thụy cấp ngày 24/08/2007	Thụy Hưng, Thái Thụy, Thái Bình	0		Vợ
9.6	Trần Khánh Linh		Không	152145782 do CA Thái Bình cấp ngày 25/07/2011	Thụy Hưng, Thái Thụy, Thái Bình	0		Em gái
10	Trần Trung Hải		Thành viên Ban Kiểm soát	040088000325 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 04/12/2018	B2908-CT2-Trung tâm hành chính mới, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	7.000	0,018%	
<b>Người có liên quan của ông Trần Trung Hải</b>								
10.1	Trần Viết Hùng		Không	182216988	Văn Sơn, Đô Lương, Nghệ An	0		Bố đẻ
10.2	Lê Thị Bẩy		Không	180704540 do CA tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/12/2009	Văn Sơn, Đô Lương, Nghệ An	1.000	0,003%	Mẹ đẻ



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
10.3	Nguyễn Khắc Ngọc		Không	186087180	Khối 05, thị trấn Đô Lương, Nghệ An	0		Bố vợ
10.4	Nguyễn Thị Thân		Không	180803599	Khối 05, thị trấn Đô Lương, Nghệ An	0		Mẹ vợ
10.5	Nguyễn Thị Mỹ Linh		Không	040189000811 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 04/12/2018	B2908-CT2-Trung tâm hành chính mới, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	2.000	0,005%	Vợ
10.6	Trần Thị Hạnh Dung		Không		B2908-CT2-Trung tâm hành chính mới, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	0		Con đẻ
10.7	Trần Việt Hoàng Hà		Không		B2908-CT2-Trung tâm hành chính mới, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	0		Con đẻ
10.8	Trần Thị Hạnh		Không	186381424	Văn Sơn, Đô Lương, Nghệ An	0		Chị ruột
10.9	Trần Thị Hoàng Trà		Không	187076035	Văn Sơn, Đô Lương, Nghệ An	0		Em ruột
11	Ngô Thị Dung		Thành viên Ban Kiểm soát	036189000583 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư cấp ngày 06/10/2015	Tổ 11, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.	20.000	0,05%	
<b>Người có liên quan của bà Ngô Thị Dung</b>								
11.1	Ngô Đức Bảo		Không	036059003355 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/3/2018	Xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	0		Bố đẻ
11.2	Bùi Thị Phụng		Không	160514802 do Công an tỉnh	Xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường,	0		Mẹ đẻ





STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
				Nam Định, cấp ngày 24/03/2014	tỉnh Nam Định			
11.3	Trần Quang Nguyễn		Không	063312778 do công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 26/12/2007	Xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	0		Bố chồng
11.4	Nguyễn Thị Lựu		Không	1615066462 do Công an tỉnh Nam Định, cấp ngày 15/10/2014	Xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	0		Mẹ chồng
11.5	Trần Quang Hòa		Không	036088000633 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư cấp ngày 06/10/2015	Tổ 11, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.	10.000	0,025%	Chồng
11.6	Trần Minh Châu		Không		Tổ 11, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.	0		Con ruột
11.7	Trần Quang Anh		Không		Tổ 11, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.	0		Con ruột
11.8	Ngô Thị Loan		Không	036182002529 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 4/5/2016	Xã Nghĩa Hồng- huyện Nghĩa Hưng- tỉnh Nam Định	0		Chị ruột
11.9	Ngô Thị Hồng		Không	250494768 do công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/03/2005	Xã Yaga, huyện Chư Prong, Gia Lai	0		Chị ruột
11.10	Ngô Thị Nhung		Không	036186003930 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp	Xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	0		Chị ruột



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Mối quan hệ với người nội bộ
				ngày 02/03/2017				
11.11	Phạm Trọng Dương		Không	036078001602 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/04/2016	Xã Nghĩa Hồng- huyện Nghĩa Hưng- tỉnh Nam Định	0		Anh rể
11.12	Nguyễn Ngọc Sáng		Không	250494768 do công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/03/2005	Xã Yaga, huyện Chu Prong, Gia Lai	0		Anh rể
11.13	Ngô Xuân Trung		Không	036076003796 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 02/03/2017	Xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	0		Anh rể

**6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Năm 2020 ( triệu đồng)	Quý I/2021 ( triệu đồng)
1	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	Vay nợ trong kỳ	68.900	43.900
			Trả tiền vay trong kỳ	58.000	31.100
<b>Số dư phải trả cuối kỳ</b>				<b>10.900</b>	<b>12.800</b>
2	Nguyễn Thị Hiền	Em dâu Chủ tịch HĐQT	Vay nợ trong kỳ	56.500	31.000
			Trả tiền vay trong kỳ	50.500	20.000
<b>Số dư phải trả cuối kỳ</b>				<b>6.000</b>	<b>11.000</b>
3	Lê Văn Thịnh	Em ruột Chủ	Vay nợ trong kỳ	-	20.000



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Năm 2020 (triệu đồng)	Quý I/2021 (triệu đồng)
		tịch HĐQT	Trả tiền vay trong kỳ	-	9.000
<b>Số dư phải trả cuối kỳ</b>				-	<b>11.000</b>
<b>Tổng số dư phải trả cuối kỳ</b>				<b>16.900</b>	<b>34.800</b>
4	Đàm Văn Lý	Tổng Giám đốc	Hoàn tạm ứng	19	-
<b>Số dư phải thu cuối kỳ</b>				-	-

Nguồn: CTCP Tập đoàn Đua Fat

**Số dư phải thu, phải trả các bên liên quan**

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Giá trị tại 31/12/2020	Giá trị tại 31/03/2021
<b>I</b>	<b>Khoản phải trả</b>	<b>16.900</b>	<b>34.800</b>
1	Bà Nguyễn Thu Hiền	6.000	11.000
2	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	10.900	12.800
3	Ông Lê Văn Thịnh	-	11.000

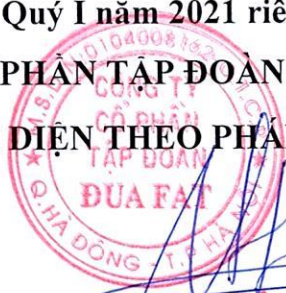
Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat

**IV. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần;
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 riêng và hợp nhất
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính Quý I năm 2021 riêng và hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



CHỦ TỊCH HĐQT

*Lê Duy Hưng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI**



81 GIÁM ĐỐC

*Trần Thăng Long*



Số: 90 /2021/QĐ-PC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

V/v ủy quyền ký kết văn bản, chứng từ cho Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

### **TỔNG GIÁM ĐỐC** **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

Căn cứ:

- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 32/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/08/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt;
- Quyết định 77/2021/QĐ-TGD V/v thông qua việc phân định thẩm quyền và ủy quyền ký kết văn bản tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt;
- Theo nhu cầu hoạt động thực tế tại Công ty.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ủy quyền cho Ông Trần Thăng Long – Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội thay mặt Tổng Giám đốc phê duyệt và ký kết các văn bản cụ thể như sau:

1. Hợp đồng, thỏa thuận.
2. Các văn bản, chứng từ phát sinh tại Chi nhánh Hà Nội.

**Điều 2.** Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, Ông Trần Thăng Long có các quyền và trách nhiệm sau:

1. Có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty có liên quan khi thực hiện các nội dung được ủy quyền nêu tại Điều 1 của Quyết định này.
2. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, Công ty và pháp luật khi thực hiện các nội dung được ủy quyền nêu tại Điều 1.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45A/2015/QĐ-TGD ký ngày 17/04/2015.

Các Ông/Bà Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc điều hành, Giám đốc Khối/Trung tâm, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Đơn vị và Ông Trần Thăng Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS "để báo cáo";
- Lưu VT, PC, CNHN.



**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**